

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ CHÍ TRUNG

**NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI XÂM PHẠM
HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ CHÍ TRUNG

**NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI XÂM PHẠM
HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm
Mã số: 8.38.01.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
GS.TS. HỒ TRỌNG NGŨ

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, dữ liệu và một số kiến thức của các tác giả khác trong luận văn này được sử dụng trung thực, có đầy đủ nguồn dữ liệu đáng tin cậy theo quy định của một công trình khoa học. Kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố tại bất kỳ công trình khoa học nào.

Tác giả luận văn

LÊ CHÍ TRUNG

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP	9
1.1. Khái niệm, ý nghĩa của nhân thân người phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp	9
1.2. Đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp	18
1.3. Những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp.....	24
Chương 2: NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP GIAI ĐOẠN 2013-2017.....	31
2.1. Khái quát tình hình tội xâm phạm hoạt động tư pháp	31
2.2. Cơ cấu người phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp trên địa bàn cả nước theo các đặc điểm nhân thân.....	36
2.3. Đặc điểm nhân thân đặc trưng của người phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp.....	41
2.4. Thực tiễn những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp.....	42
2.5. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết các vụ án xâm phạm hoạt động tư pháp	48
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP TỪ GÓC ĐỘ NHÂN THÂN TRONG THỜI GIAN TỚI.....	50
3.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật.....	50
3.2. Đẩy mạnh công tác hướng dẫn và áp dụng pháp luật.....	58
3.3. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp.....	58
3.4. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan đến việc giải quyết các vụ án	59

3.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động tư pháp, các cơ quan tư pháp và cán bộ thuộc cơ quan tư pháp	59
3.6. Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan tư pháp, các chế độ chính sách đãi ngộ đối với cán bộ các cơ quan tư pháp.	62
3.7. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan tư pháp, các chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ các cơ quan tư pháp	63
3.8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp	65
3.9. Dự báo tình hình tội phạm hoạt động tư pháp	50
KẾT LUẬN	67
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
HĐND	Hội đồng nhân dân
HĐXX	Hội đồng xét xử
HTND	Hội thẩm nhân dân
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
THTP	Tình hình tội phạm
TNHS	Trách nhiệm hình sự
TTHS	Tố tụng hình sự
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
UBND	Ủy ban nhân dân
XPHĐTP	Xâm phạm hoạt động tư pháp

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Đơn tin báo, tố giác hành vi XPHĐTP của cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp (từ năm 2013 đến 2017)	32
Bảng 2.2: Các đối tượng bị tố cáo có hành vi XPHĐTP là cán bộ thuộc cơ quan tư pháp xảy ra trên địa bàn cả nước (từ năm 2013 - 2017)	33
Bảng 2.3. Các vụ án XPHĐTP xảy ra trên địa bàn cả nước (từ năm 2013 đến năm 2017).....	34
Bảng 2.4: Các vụ án XPHĐTP mà người phạm tội là cán bộ thuộc cơ quan tư pháp (từ năm 2013 đến năm 2017)	35
Bảng 2.5. Số lượng bị can trong các vụ án XPHĐTP mà người phạm tội là cán bộ thuộc cơ quan tư pháp (Từ 2013 đến 2017)	35

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong phạm vi chức năng của mình, các cơ quan tư pháp trong hệ thống cơ quan nhà nước ta có nhiệm vụ góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân; bảo đảm để mọi hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân đều phải được xử lý theo pháp luật.

Các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan này thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, được pháp luật tổ tụng gọi là hoạt động tư pháp. Như vậy, hoạt động tư pháp là hoạt động quyền lực nhà nước do các cơ quan tư pháp thực hiện. Các hoạt động này do người đại diện của các cơ quan tư pháp nhân danh Nhà nước trực tiếp thực hiện tùy theo chức danh được bổ nhiệm. Hoạt động tư pháp bao gồm những hoạt động trực tiếp liên quan đến trình tự thủ tục tổ tụng theo luật định mới được xác định là hoạt động tư pháp như hoạt động điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, hoạt động xét xử, thi hành án và các hoạt động khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giao tiến hành một số hoạt động tư pháp theo quy định của pháp luật. Trong số các hoạt động tư pháp thì hoạt động xét xử của Tòa án được coi là trọng tâm.

Trong những năm qua, hoạt động của các cơ quan tư pháp ở nước ta đã đạt được những thành tựu đáng kể, nhất là trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, hoạt động của các cơ quan tư pháp ở nước ta cũng còn không ít những hạn chế thiếu sót, đặc biệt là các hành vi vi phạm pháp luật của các cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp.

Có nhiều hành vi chỉ vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến hậu quả như là hủy án, xử lý hành chính, kỷ luật, nhưng cũng có hành vi vi phạm pháp luật trở thành tội phạm của các tội XPHĐTP.

Vì vậy, để đảm bảo hoạt động đúng đắn, bình thường của các cơ quan tư pháp Bộ luật hình sự 1999 đã quy định các tội xâm phạm hoạt động tư pháp tại Chương XXII từ điều 292 đến điều 314.

Về mặt lý luận, đã có nhiều tác giả đề cập tới trách nhiệm hình sự, tìm hiểu và bình luận về các tội XPHĐTP trong pháp luật hình sự Việt Nam, đảm bảo quyền con người trong hoạt động tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, hoặc nghiên cứu các tội xâm phạm hoạt động tư pháp với tư cách là đối tượng của hoạt động điều tra của Viện kiểm sát nhân dân. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn về nhân thân người phạm tội XPHĐTP.

Thực tiễn các tội XPHĐTP hiện nay ngày càng gia tăng, với tính chất các vụ án ngày càng nghiêm trọng, diễn biến phức tạp và hiệu quả đấu tranh chống các tội phạm XPHĐTP đạt hiệu quả chưa cao, còn nhiều khó khăn, vướng mắc.

Vì vậy, việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPHĐTP là một vấn đề cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Với nhận thức như vậy, tôi chọn đề tài: "Nhân thân người phạm tội XPHĐTP" làm đề tài luận văn thạc sỹ của mình với mong muốn nghiên cứu làm rõ đặc điểm nhân thân người phạm tội XPHĐTP, đề lý giải nguyên nhân phát sinh tội phạm có liên quan đến đặc điểm nhân thân người phạm tội, từ đó đề xuất biện pháp phòng ngừa tương ứng, góp phần quan trọng trong việc kiểm chế, kiểm soát tình hình tội phạm XPHĐTP.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây, đã có một số công trình nghiên cứu được thực hiện liên quan đến đề tài nhân thân người phạm tội. Về lý luận nhân thân người phạm tội có những công trình nghiên cứu sau:

- Giáo trình tội phạm học, của GS. TS. Võ Khánh Vinh chủ biên, Đại học Huế, năm 2011.

- Tội phạm học Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Tập thể tác giả Viện Nhà nước và Pháp luật, năm 2009.

- Luận văn thạc sỹ Luật học: "*Nhân thân người phạm tội trong tội phạm học*" của Nguyễn Thị Thanh Thủy (1996), Đại học Luật Hà Nội.

- Luận án tiến sỹ Luật học: "*Nhân thân người phạm tội trong Luật hình sự Việt Nam*" (2005), Đại học Luật Hà Nội.

- Bài viết: "*Nhân thân người phạm tội: Một số vấn đề lý luận cơ bản*" của tác giả GS. TS. Lê Cẩm, Tạp chí Tòa án, số 10/2001, tr. 7-11 và số 11/2001, tr. 5-8.

- Bài viết: "*Một số vấn đề về nhân thân người phạm tội*" của tác giả Nguyễn Quang Hạnh, Tạp chí Nghề luật, số 1/2013, tr. 52-57.

- Trần Minh Hưởng, Đặng Thu Hiền: "*Tìm hiểu các tội XPHĐTP*", Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, năm 2002.

- Phạm Thanh Bình, Nguyễn Vạn Nguyên: "*Các tội XPHĐTP*", Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 1997.

- Nguyễn Ngọc Điệp, Hồ Thị Nệ: "*Tìm hiểu các tội hoạt động tư pháp: Trong Bộ luật hình sự 1999*", Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2001.

- Nguyễn Tất Viễn, Luận án Phó tiến sỹ Khoa học Luật học: "*Các tội XPHĐTP trong luật hình sự Việt Nam*", năm 1996.

- Nguyễn Huy Hoàn, Luận án tiến sỹ Luật học: "*Đảm bảo quyền con người trong hoạt động tư pháp ở Việt Nam hiện nay*", năm 2005.

Nhìn chung, các tác giả đã làm rõ những vấn đề lý luận về nhân thân người phạm tội như: Khái niệm nhân thân người phạm tội, phân biệt khái niệm nhân thân người phạm tội với một số khái niệm có liên quan, ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội... Tác giả sẽ kế thừa những quan điểm khoa học trên làm nền tảng căn cứ trong luận văn của mình. Về thực tiễn nhân thân người phạm tội có những công trình tác giả nghiên cứu, phân tích có hệ thống về nhân thân người phạm tội trên một địa bàn nhất định và đặc điểm người phạm tội gắn với một loại tội phạm cụ thể, tiêu biểu như:

- Luận văn Thạc sĩ luật học: "*Nhân thân người phạm tội trên địa bàn Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh*" của Phạm Uyên Thy (2015), Học viện khoa học xã hội.

- Luận văn Thạc sĩ luật học: "*Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Dương*" của Phạm Thị Triều Mên (2016), Học viện khoa học xã hội.

- Luận văn Thạc sĩ luật học: "*Nhân thân người phạm tội cờ bạc từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*" của Trần Văn Dũng (2016), Học viện khoa học xã hội.

- Luận văn Thạc sĩ luật học: "*Đặc điểm nhân thân người phạm tội HDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai dưới góc độ tội phạm học*" của Phạm Thế Hùng (2012), Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

Về kinh nghiệm và giải pháp có các công trình nghiên cứu trong việc định tội và quyết định hình phạt hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự như:

- Bài viết: "*Nhân thân người phạm tội một căn cứ cần cần nhắc khi quyết định hình phạt*" của tác giả Trịnh Tiên Việt, Tạp chí kiểm sát, số 1/2003, tr. 21-23.

- Bài viết: "*Các tình tiết định khung tăng nặng trong tội giết người phản ánh mức độ lỗi và các đặc điểm về nhân thân người phạm tội*" của tác giả Đỗ Đức Hồng Hà, Tạp chí TAND, số 18/2005, tr. 17-20.

- Bài viết: "*Nhân thân người phạm tội với việc quy trách nhiệm hình sự*" của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy, Tạp chí Tòa án, số 8/2001, tr. 2-7;

- Bài viết: "*Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự liên quan đến nhân thân người phạm tội*" của tác giả Đinh Văn Quế, Tạp chí Tòa án, số 13/2009, tr. 23- 27 và số 14, tr. 19-28;

Các tác giả trong các công trình nghiên cứu trên đã phân tích làm rõ vai trò của nhân thân người phạm tội trong quyết định hình phạt, trong định tội danh hoặc trong quy định liên quan đến các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Một số tác giả đã tập trung đi sâu phân tích đặc điểm nhân thân người phạm tội gắn với một số loại tội phạm cụ thể, như tội giết người, các tội xâm phạm sở hữu, tội trộm cắp tài sản... Những kết quả của các công trình nghiên cứu này cũng là những tri thức, hiểu biết quan trọng mà tác giả có thể kế thừa trong quá trình nghiên cứu làm đề tài của mình. Tuy nhiên, chưa có một công trình nghiên cứu nào nghiên cứu chuyên sâu về nhân thân người phạm tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước. Vì vậy, trên cơ sở kế thừa những tri thức lý luận nền tảng về nhân thân người phạm tội cũng như những tri thức nghiên cứu về nhân thân người phạm tội trong các loại tội, nhóm tội ở các địa phương nhất định trong các công trình của các tác giả kể trên, tác giả sẽ vận dụng đi sâu nghiên cứu về nhân thân người phạm tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước. Từ thực tiễn tình hình tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước giai đoạn 2013 - 2017, tác giả sẽ đi sâu phân tích làm rõ lý luận về nhân thân người phạm tội gắn với đặc điểm tình hình kinh tế, văn hoá, đạo đức, truyền thống... của nước ta. Từ đó, kiến nghị các giải pháp phòng ngừa tình hình tội XPHĐTP trên địa

cả nước từ khía cạnh nhân thân người phạm tội. Đây chính là hướng nghiên cứu của luận văn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài hướng đến mục đích nghiên cứu là làm rõ thực trạng nhân thân người phạm tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước, phân tích làm rõ các yếu tố tác động đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân người phạm tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước; từ đó luận văn cũng sẽ đề xuất một số giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình tội phạm XPHĐTP từ góc độ nhân thân người phạm tội trên địa bàn cả nước.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, đề tài cần giải quyết các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lí luận về nhân thân người phạm tội XPHĐTP.
- Phân tích làm rõ thực tiễn nhân thân người phạm tội XPHĐTP và các yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước giai đoạn 2013 – 2017.
- Đề xuất kiến nghị các giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình tội phạm XPHĐTP từ góc độ nhân thân người phạm tội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là nhân thân người phạm tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước. Để nghiên cứu, tác giả dựa trên cơ sở các số liệu thống kê và nghiên cứu các tội XPHĐTP giai đoạn 2013 – 2017 được thu thập một cách ngẫu nhiên.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về không gian: Đề tài nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPHĐTP dưới góc độ tội phạm học và phòng ngừa tội phạm trên địa bàn cả nước.

- Phạm vi về thời gian: Từ năm 2013 đến năm 2017.

- Phạm vi về tội danh: Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu tội XPHĐTP quy định tại chương XXII của BLHS năm 1999.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; các tri thức khoa học pháp lý của tội phạm học, pháp luật hình sự, khoa học điều tra hình sự; thực tiễn phòng, chống tội phạm XPHĐTP trên địa bàn cả nước.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc thù của tội phạm học, cụ thể:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu, bản án được sử dụng để làm rõ những vấn đề lý luận chung về nhân thân người phạm tội XPHĐTP.

- Phương pháp nghiên cứu thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh, quy nạp, hệ thống, biểu đồ, diễn dịch, đối chiếu, suy luận, phương pháp lịch sử logic, phương pháp nghiên cứu, tổng hợp bản án... được sử dụng để làm rõ các đặc điểm nhân thân người phạm tội XPHĐTP và các yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước trong giai đoạn 2013 – 2017.

- Phương pháp tổng kết kinh nghiệm, được sử dụng để nhằm đưa ra kiến nghị việc hoàn thiện các giải pháp phòng ngừa tình hình tội XPHĐTP từ góc độ nhân thân người phạm tội.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- *Về lý luận:* Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm lý luận về nhân thân người phạm tội, đặc biệt là nhân thân người phạm tội XPHĐTP; lý luận về phòng ngừa tội phạm XPHĐTP từ góc độ nhân thân người phạm tội XPHĐTP.

- *Về thực tiễn:* Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, sử dụng trong thực tiễn phòng, chống tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước dưới góc độ nhân thân người phạm tội. Luận văn hoàn thành cũng là tài liệu tham khảo hữu ích sử dụng trong các cơ sở đào tạo luật.

- Những điểm mới của đề tài: Luận văn là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPHĐTP từ thực tiễn cả nước giai đoạn 2013 – 2017, làm rõ các đặc điểm nhân thân người phạm tội XPHĐTP và các yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước một cách có hệ thống, từ đó đưa ra một số giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được kết cấu thành ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về nhân thân người phạm tội XPHĐTP.

Chương 2: Thực tiễn nhân thân người phạm tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước giai đoạn 2013 – 2017.

Chương 3: Các giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình tội XPHĐTP từ góc độ nhân thân trong thời gian tới.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

Trong chương này, tác giả sẽ tiếp cận từ lý luận chung của tội phạm học về nhân thân người phạm tội để làm sáng tỏ lý luận về nhân thân người phạm tội XPHĐTP.

1.1. Khái niệm, ý nghĩa của nhân thân người phạm tội XPHĐTP

1.1.1. Khái niệm nhân thân người phạm tội XPHĐTP

Chủ thể của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp phần lớn là chủ thể đặc biệt, là người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan tư pháp hoặc trong cơ quan nhà nước khác hoặc trong tổ chức; người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người khác có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp. Theo quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng thì chủ thể này là cán bộ có chức danh pháp lý hoặc không có chức danh pháp lý nhưng được giao nhiệm vụ hoạt động tư pháp hoặc đồng phạm với cán bộ có chức danh pháp lý phạm tội trong quá trình làm nhiệm vụ. Ví dụ: Chiến sĩ được giao nhiệm vụ bảo vệ trại tạm giam có hành vi thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ trốn (Điều 376); cán bộ trinh sát, cán bộ điều tra, sinh viên thực tập cũng có thể là chủ thể của tội phạm dùng nhục hình (Điều 373 BLHS năm 2015)...

Chủ thể của tội xâm phạm hoạt động tư pháp có thể là người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan nhà nước khác (Tội cản trở thi hành án); những người tham gia tố tụng (bị can, bị cáo, giám định, phiên dịch,...); người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp khác hoặc là bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự (Tội không tố giác tội phạm, Tội che giấu tội phạm,...).

Hành vi phạm tội luôn gắn liền với con người cụ thể. Tuy nhiên, “Con người trong khoa học luật Hình sự được nghiên cứu dưới vỏ bọc của thuật ngữ “chủ thể của tội phạm”. Còn con người trong Tội phạm học được nghiên cứu dưới vỏ bọc của thuật ngữ “nhân thân người phạm tội” [56, tr. 343].

Trong Tội phạm học, nghiên cứu về nhân thân người phạm tội tức là nghiên cứu về các đặc điểm của con người phạm tội, một khách thể nghiên cứu quan trọng, để hướng đến mục đích sau cùng là phòng ngừa tội phạm. Con người mà Tội phạm học nghiên cứu là những người đã thực hiện hành vi phạm tội, tức là những người đã trở thành chủ thể của tội phạm theo quy định của pháp luật hình sự.

Khái niệm nhân thân người phạm tội đã được rất nhiều các tài liệu, giáo trình, luận văn đề cập như: Nhân thân người phạm tội được hiểu là tổng hợp các đặc điểm, dấu hiệu, các đặc tính quan trọng thể hiện bản chất xã hội của con người khi vi phạm pháp luật hình sự, mà trong sự kết hợp với các điều kiện bên ngoài đã ảnh hưởng đến xử sự phạm tội của người đó [33, tr. 15].

Nhân thân người phạm tội là tổng hợp các dấu hiệu, đặc tính quan trọng thể hiện bản chất xã hội của con người khi vi phạm pháp luật hình sự, mà trong sự kết hợp với các điều kiện bên ngoài đã ảnh hưởng đến xử sự phạm tội của người đó [41, tr. 11]. “Dưới góc độ Tội phạm học nhân thân người phạm tội là: tổng hợp các đặc tính, dấu hiệu thể hiện bản chất xã hội, tính cá biệt, không lặp lại của con người mà trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định và dưới sự tác động của chính những điều kiện, hoàn cảnh đó làm động cơ phạm tội nảy sinh” [52, tr. 7].

Nhân thân người phạm tội tức là người có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự quy định là tội phạm được hiểu là tổng thể tất cả các dấu hiệu, đặc điểm có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với các điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm

tội của người đó [61, tr. 130]. Như vậy, qua nghiên cứu tác giả đúc kết được: Trong Tội phạm học, nhân thân người phạm tội là tổng thể các yếu tố, các đặc điểm riêng biệt thể hiện bản chất xã hội của người vi phạm pháp luật hình sự trong sự kết hợp với điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài đã ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó.

Khái niệm "Tư pháp" có hai cách hiểu: Thứ nhất, tư pháp là hoạt động bảo vệ pháp luật, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp; Thứ hai, tư pháp là thuật ngữ để chỉ các cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực tư pháp và những hoạt động trong lĩnh vực tư pháp do các cơ quan này thực hiện.

Hoạt động tư pháp là hoạt động của các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và Cơ quan thi hành án trong việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành đối với các vụ án hình sự, dân sự, kinh tế, lao động và giải quyết các quan hệ pháp luật khác được pháp sinh theo quy định của pháp luật, nhằm bảo vệ các quyền của Nhà nước, của các tổ chức, của công dân.

Hoạt động tư pháp là hoạt động quyền lực Nhà nước do các cơ quan tư pháp thực hiện. Các hoạt động này do người đại diện của các cơ quan tư pháp nhân danh Nhà nước trực tiếp thực hiện tùy theo chức danh được bổ nhiệm. Điều 292 Bộ luật hình sự quy định: "Các tội XPHĐTP là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan điều tra, kiểm sát, xét xử và thi hành án trong việc bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân."

Hiện nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào hướng dẫn cụ thể thể nào là cơ quan tư pháp. Tuy nhiên, có thể hiểu cơ quan tư pháp là các cơ quan Nhà nước trực tiếp thực hiện quyền tư pháp trong quyền lực Nhà nước bao gồm Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án. Trong cơ quan tư pháp có nhiều cán bộ, công chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ nhất định như các cán bộ thực hiện các hoạt động tư

pháp, các cán bộ thực hiện chức năng quản lý, các cán bộ giúp việc khác... Cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp được bổ nhiệm theo điều kiện và cách thức điều luật quy định.

Các tội XPHĐTP trong lịch sử phát triển của pháp luật hình sự nước ta trước năm 1999 và của một số nước trên thế giới Trước khi ban hành Bộ luật hình sự 1999, các tội XPHĐTP đã được quy định ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Trong Quốc triều hình luật hay còn gọi là Luật hình triều Lê (1440 - 1442) nhóm tội XPHĐTP được quy định tại hai chương với 78 điều. Sau năm 1945, Nhà nước ta đã có một số văn bản pháp luật quy định một vài vấn đề để bảo đảm cho sự hoạt động của các cơ quan tư pháp, chống các hành vi lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn trong hoạt động tư pháp gây ảnh hưởng xấu đến uy tín cơ quan tư pháp như hành vi che giấu tội phạm hoặc dùng nhục hình... Điều 230 Bộ luật hình sự năm 1985 quy định: Các tội XPHĐTP là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của các Cơ quan điều tra, kiểm sát, xét xử và thi hành án trong việc bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của các tổ chức xã hội và của công dân. Trong chương này của Bộ luật hình sự gồm có 17 điều quy định về các tội phạm cụ thể XPHĐTP. Luật hình sự Hoa Kỳ có các chương: Không tôn trọng Tòa án (Chương 21), Chạy trốn, tha bất hợp pháp (Chương 35), Cản trở việc thực hiện tư pháp (Chương 73), khám xét và bắt giam (Chương 109). Theo Bộ luật hình sự của Vương quốc Thụy Điển, các tội xâm phạm đến hoạt động tư pháp được quy định tại nhiều chương khác nhau. Chương XV quy định riêng về tội khai báo gian dối, truy cứu trái pháp luật bao gồm các hành vi cung cấp thông tin sai sự thật, từ chối không khai báo sự thật, cố ý truy cứu trách nhiệm người không có tội, tố giác người không có tội, giả mạo hoặc tiêu hủy chứng cứ

Bộ luật hình sự năm 1999 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1999,

có hiệu lực từ ngày 01/07/2000. Ngày 19 tháng 6 năm 2009, tại kỳ họp thứ 5 khóa 12 của Quốc hội đã thông qua Luật số 37/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật hình sự 1999, có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2010. Các tội XPHĐTP được quy định tại Chương XXII từ điều 292 đến điều 314. Trong đó, Điều 292 quy định về "Khái niệm tội XPHĐTP" và các điều luật còn lại quy định các tội phạm. So với Bộ luật hình sự năm 1985 thì Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung thêm 4 tội. Đó là các tội: Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội (Điều 294), Tội ra quyết định trái pháp luật (Điều 296), Tội không thi hành án (Điều 305), Tội đánh tháo người bị giam giữ, người đang bị dẫn giải, người đang bị xét xử (Điều 312).

Nhân thân con người nói chung và nhân thân người phạm tội nói riêng là tổng hợp các dấu hiệu, các đặc điểm phản ánh bản chất của con người tham gia vào các mối quan hệ xã hội. Đó là các dấu hiệu, đặc điểm sinh học, nhân khẩu học, đặc điểm xã hội học, và đặc điểm tâm lý – đạo đức của nhân thân người phạm tội. Người phạm tội, dù cho hành vi phạm tội của họ có gây ra hậu quả nghiêm trọng cho xã hội đến mức nào đi nữa thì họ vẫn là con người. Mác viết “Nhà nước cần phải thấy rằng kẻ vi phạm đó là một con người, một tế bào sống của xã hội, ở con người đó cũng có quả tim đang đập và dòng máu đang chảy... một thành viên của tập thể thực hiện các chức năng của xã hội, một người chủ gia đình mà sự tồn tại của họ là thiêng liêng và cuối cùng điều quan trọng nhất họ là công dân của Nhà nước đó”. Như vậy, nghiên cứu nhân thân người phạm tội chính là nghiên cứu nhân thân của người đã thực hiện hành vi phạm tội, hay nói cách khác chính là nghiên cứu về nhân thân chủ thể của tội phạm. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin thì nhân thân con người chính là một phạm trù xã hội lịch sử, nó là sản phẩm của một thời đại nhất định, được quy định bởi các điều kiện lịch sử cụ thể của hiện

thực xã hội. Mỗi một thời đại khác nhau sản sinh ra những mẫu người không giống nhau, song dù ở thời đại nào thì bản chất của con người luôn luôn là tổng hòa những mối quan hệ xã hội. Trong bất kỳ xã hội nào con người không bao giờ sống riêng lẻ, tách mình ra khỏi xã hội mà luôn quan hệ với nhau trong quá trình lao động sản xuất cũng như trong mọi sinh hoạt hàng ngày. Tất cả các đặc điểm tâm, sinh lý cũng những biểu hiện trong các quan hệ xã hội của con người, thể hiện bản chất đặc trưng của một con người sẽ hợp thành nhân thân của con người đó. Nhân thân người phạm tội là một trường hợp đặc biệt của nhân thân con người, ngoài những dấu hiệu, đặc điểm của nhân thân con người nói chung thì đặc điểm đặc trưng của nhân thân người phạm tội chính là những đặc điểm thể hiện tính chất nguy hiểm cho xã hội của nhân thân người phạm tội. Nhân thân người phạm tội, dù cho nó có biểu hiện này hay biểu hiện khác thì nó đều gắn liền với một hệ thống các đặc điểm có liên quan đến tội phạm, như: Mối tương quan giữa bản chất tốt xấu trong chính bản thân người phạm tội, thể hiện ở phẩm chất đạo đức, ở trạng thái tâm lý, ý thức pháp luật và thái độ xử sự, động cơ, mục đích... của họ khi thực hiện hành vi phạm tội. Những đặc điểm và các dấu hiệu xã hội, cấu trúc và mối tương quan giữa chúng cho chúng ta một quan niệm đầy đủ về nhân thân người phạm tội. Theo GS. TS Võ Khánh Vinh nhân thân người phạm tội được hiểu như sau: “Nhân thân người phạm tội tức là người có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị Luật hình sự quy định là tội phạm được hiểu là tổng thể các dấu hiệu có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với các điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó” [60, tr. 131]. Như vậy, từ những phân tích trên có thể hiểu nhân thân người phạm tội XPHĐTP như sau: Nhân thân người phạm tội XPHĐTP là tổng hợp những đặc điểm, dấu hiệu thể hiện bản chất xã hội của con người và các đặc điểm, dấu hiệu này kết hợp với các điều kiện, hoàn cảnh nhất định

đã dẫn đến người đó thực hiện hành vi phạm tội XPHĐTP được quy định tại chương XXII của BLHS hiện hành.

1.1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPHĐTP

Ở mức độ khái quát nhất của Tội phạm học, không phải ngẫu nhiên mà nhân thân của người phạm tội trở thành khách thể nghiên cứu quan trọng. Nghiên cứu về nhân thân người phạm tội trong Tội phạm học có những ý nghĩa to lớn cho công cuộc phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Trong phạm vi luận văn này, tác giả sẽ đề cập đến ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPHĐTP như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPHĐTP góp phần bảo đảm cho việc định tội, định khung và quyết định hình phạt một cách chính xác, thuyết phục. Nhân thân người phạm tội XPHĐTP là tổng thể những đặc điểm riêng biệt có ý nghĩa về mặt xã hội của người phạm tội này. Mặc dù không phải là yếu tố bắt buộc của cấu thành tội phạm nhưng trong quá trình xác định trách nhiệm hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng phải thu thập và nghiên cứu đầy đủ, chính xác những đặc điểm riêng biệt này của họ để giúp cho việc định tội, định khung và quyết định hình phạt đúng quy định pháp luật, không gây oan sai cũng như không bỏ lọt tội phạm. Trong nhiều trường hợp, các nhà làm luật đã quy định cụ thể các yếu tố về nhân thân của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong BLHS trở thành yếu tố loại trừ trách nhiệm hình sự, yếu tố miễn hình phạt hoặc yếu tố về nhân thân sẽ trở thành tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho đối tượng này. Tại Điều 45 BLHS 1999 quy định “Tòa án căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự” để làm căn cứ cho việc quyết định hình phạt. Khi quyết định hình

phạt, Tòa án luôn cân nhắc về vấn đề nhân thân người phạm tội một cách toàn diện, xem xét cả mặt tốt cũng như mặt xấu về nhân thân người phạm tội, xem xét về độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn... và đặc biệt là khả năng cải tạo, giáo dục của người phạm tội để họ có đủ thời gian ăn năn, hối cải về hành vi của mình, trở thành một người có ích cho xã hội.

Thứ hai, nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPHĐTP tạo cơ sở cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện của tình hình loại tội phạm. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là hai yếu tố khác nhau trong cùng một hệ thống làm phát sinh tội phạm. “Nguyên nhân sinh ra hậu quả, còn điều kiện không thể sinh ra hậu quả mà tạo điều kiện, bảo đảm cho hậu quả xảy ra” [71, tr. 84]. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tác động lẫn nhau tạo thành các phẩm chất tâm lý tiêu cực của con người, đây là yếu tố có vai trò đặc biệt quan trọng trong cơ chế của hành vi phạm tội. Con người khi sinh ra không mang sẵn trong mình những nhân cách sai lệch mà qua quá trình tác động lâu dài của môi trường sống đến nhận thức của từng con người hình thành nên. Qua thời gian, nhân cách sai lệch gặp điều kiện, hoàn cảnh tiêu cực trong môi trường sống sẽ làm phát sinh tội phạm. Như vậy, môi trường tiêu cực tác động lên con người, làm hình thành ở con người đó nhân cách sai lệch và trở thành đặc điểm nhân thân xấu. Việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPHĐTP sẽ cho thấy được nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm này.

Thứ ba, nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPHĐTP có ý nghĩa lớn trong việc dự báo tình hình tội XPHĐTP và phòng ngừa loại tội phạm. Qua nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPHĐTP trên địa bàn tỉnh, ta nhận thức được các yếu tố nhân thân đặc trưng, mang tính chất quyết định, ảnh hưởng đến việc phạm tội của các đối tượng, nhận thức được căn nguyên dẫn đến việc hình thành các yếu tố nhân thân này, kết hợp với xu hướng phát triển kinh tế,

xã hội của địa bàn, từ đó đưa ra dự báo về tình hình loại tội phạm trong thời gian tới. Trên cơ sở dự báo đó, đề xuất những biện pháp phòng ngừa tội XPHĐTP có độ chính xác cao và kịp thời, khắc phục hoặc hạn chế những điều kiện có thể dẫn đến việc phát sinh tội XPHĐTP, biến chuyển những người có dấu hiệu của nhân cách lệch lạc trở thành những người có ích cho xã hội.

Thứ tư, nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPHĐTP có ý nghĩa trong việc xây dựng các biện pháp giáo dục, cải tạo người phạm tội XPHĐTP một cách có hiệu quả, góp phần ngăn ngừa các hành vi tái phạm tội. Giáo dục, cải tạo người phạm tội là một việc làm rất nhân văn và đòi hỏi phương thức thực hiện chặt chẽ, khoa học. Mỗi cá thể phạm tội có những đặc điểm cá biệt, cần phải có những biện pháp giáo dục, cải tạo phù hợp. Hiểu rõ về nhân thân người phạm tội XPHĐTP tạo cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp giáo dục, cải tạo người phạm tội này trở nên hiệu quả, giúp cho việc hòa nhập cộng đồng của họ trở nên có ích cho xã hội và cho chính bản thân của người phạm tội.

1.1.3. Đặc thù của tội xâm phạm hoạt động tư pháp

Khách thể của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp là các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động tố tụng (điều tra, truy tố, xét xử) và hoạt động thi hành án được luật hình sự bảo vệ. Các tội phạm này không chỉ xâm phạm đến tính đúng đắn, uy tín, chất lượng, hiệu quả của hoạt động tư pháp, mà còn xâm phạm đến quyền lợi, uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân (khái niệm cá nhân rộng hơn khái niệm công dân). Ngoài ra, hoạt động tư pháp còn bao gồm các hoạt động hỗ trợ tư pháp, hỗ trợ tư pháp có liên quan trực tiếp và là căn cứ quan trọng để cơ quan tư pháp xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Do vậy các hoạt động hỗ trợ tư pháp cũng là khách thể của tội xâm phạm hoạt động tư pháp. Ví dụ: Giám định viên làm sai lệch kết luận giám định hoặc từ

chối kết luận giám định (Điều 382, Điều 383 BLHS năm 2015) hoặc Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp có hành vi nhục hình người bị tạm giữ, tạm giam (Điều 373 BLHS năm 2015)

1.2. Đặc điểm nhân thân người phạm tội XPHĐTP

Như đã trình bày, nhân thân người phạm tội là tổng thể các yếu tố, các đặc điểm riêng biệt thể hiện bản chất xã hội của người vi phạm pháp luật hình sự. Trong đó, có những đặc điểm sẽ thay đổi theo thời gian (chiều cao, sức khỏe, sở thích, học vấn, ...) và có những đặc điểm ít thay đổi (tôn giáo, dân tộc, giới tính,...). Các đặc điểm này được chia thành 04 nhóm: - Nhóm đặc điểm nhân chủng học – xã hội; - Nhóm đặc điểm đạo đức – tâm lý; - Nhóm đặc điểm mang dấu hiệu xã hội; - Nhóm đặc điểm liên quan đến mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội

1.2.1. Nhóm đặc điểm nhân chủng học

1.2.1.1. Đặc điểm về độ tuổi

Suy nghĩ, cách ứng xử, hiểu biết, kinh nghiệm sống, mục tiêu sống,... của con người thay đổi theo thời gian. Tội phạm cũng thế, ở mỗi độ tuổi khác nhau, người phạm tội XPHĐTP cũng có những khác biệt nhất định về nhận thức hành vi phạm tội, cách tiếp cận nạn nhân, cách thức thực hiện hành vi phạm tội, cách dụ dỗ nạn nhân sau khi việc phạm tội đã hoàn thành,... Nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPHĐTP từ khía cạnh về độ tuổi có thể giúp chúng ta nhìn nhận đúng đắn về tính chất, mức độ, đặc điểm của từng tội phạm. Việc nghiên cứu này có nhiều ý nghĩa đối với quá trình xác định trách nhiệm hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng và đối với quá trình cải tạo các phạm nhân. Ở đặc điểm này, tác giả chia độ tuổi của những người phạm tội XPHĐTP theo 02 nhóm: - Nhóm từ 18 đến 30 tuổi; - Nhóm từ 30 tuổi trở lên. Mỗi nhóm tuổi của người phạm tội XPHĐTP nêu trên có trình độ nhận thức về thế giới khách quan, hiểu biết về pháp luật, khả năng kiểm soát hành

vi của bản thân, cách thức phạm tội có nhiều điểm khác biệt. Từ đây, các cơ quan tiến hành tố tụng có thể xác định trách nhiệm hình sự đối với từng đối tượng chính xác hơn, xác định được mức độ nguy hiểm của hành vi do mỗi nhóm đối tượng gây ra,... từ đó sẽ có những biện pháp đấu tranh và phòng ngừa phù hợp, mang lại hiệu quả cao.

1.2.1.2. Đặc điểm về giới tính

Đặc thù của tội XPHĐTP luôn có chủ thể thực hành là người có chức vụ, quyền hạn nên trong loại tội phạm này có thể là nam giới cũng có thể là nữ giới. Nghiên cứu về giới tính trong nhân thân người phạm tội XPHĐTP giúp chúng ta xác định được vai trò của người phạm tội cũng như đồng phạm trong từng trường hợp cụ thể.

1.2.1.3. Đặc điểm về sức khỏe

Sức khỏe của người phạm tội cũng là một đặc điểm nhân thân khá quan trọng. Trong luật hình sự, sức khỏe của người có hành vi phạm tội là căn cứ để xác định trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng đó như: người này có bị mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc mất khả năng điều khiển hành vi hay không. Ngoài ra, nghiên cứu về nhân thân người phạm tội từ khía cạnh đặc điểm về sức khỏe còn là căn cứ để quyết định hình phạt đối với bị cáo của cơ quan xét xử, thể hiện tinh thần nhân đạo của Nhà nước ta đối với tội phạm. Về đặc điểm sức khỏe, tác giả chia thành 02 nhóm: nhóm sức khỏe bình thường và nhóm có sức khỏe không bình thường (về thể chất hoặc tâm thần)

1.2.2. Nhóm đặc điểm đạo đức – tâm sinh lý

Nhóm đặc điểm này bao gồm: các dấu hiệu thuộc về tinh thần, về ý thức, quan điểm cá nhân về giá trị đạo đức, về pháp luật, về khí chất, tính cách, quan điểm cá nhân về cái đẹp – cái xấu,... Đây là nhóm đặc điểm góp phần vào quá trình hình thành động cơ phạm tội, phương thức thực hiện tội

phạm của người phạm tội. Trong nhiều trường hợp, nhóm đặc điểm này lý giải cho nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội.

1.2.2.1. Quan điểm, thái độ, nhận thức về giá trị đạo đức

Trong nhiều trường hợp, quan điểm, thái độ, nhận thức về giá trị đạo đức của người phạm tội không hòa đồng được với quan điểm, thái độ nhận thức về giá trị đạo đức của xã hội dẫn đến các đối tượng này có những hành xử không đúng với giá trị đạo đức được toàn xã hội tôn trọng. Hầu hết, các đối tượng này có hoàn cảnh và điều kiện sống tách biệt với mọi người, hình thành các giá trị về đạo đức bị bóp méo, lệch lạc. Từ đây, hành vi vi phạm thuần phong mỹ tục và đạo đức chung của xã hội được hình thành mà chính bản thân người thực hiện hành vi đó không nhận ra, họ cho rằng hành vi của họ là đúng, là phù hợp.

1.2.2.2. Quan điểm, thái độ, nhận thức về pháp luật

Pháp luật hình sự ngoài mang tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm còn mang tính trừng trị các hành vi vi phạm những điều luật đã được BLHS quy định. Vấn đề hiểu biết về pháp luật hình sự của các đối tượng phạm tội nói chung và các đối tượng phạm tội XPHĐTP nói riêng trong nhiều trường hợp là một vấn đề cấp bách của xã hội Việt Nam ngày nay. Pháp luật hình sự bắt buộc mọi cá nhân khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội phải có nghĩa vụ biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Nhiều đối tượng có hành vi nguy hiểm cho xã hội đến khi được cơ quan điều tra mời lên làm việc mới thực sự biết mình đã vi phạm pháp luật hình sự. Trong một số trường hợp, các đối tượng phạm tội có sự hiểu biết nhất định về pháp luật hình sự nhưng tự tin cho rằng hành vi của mình sẽ không bị phát hiện và xử lý nên vẫn cố tình thực hiện. Cá biệt, một số trường hợp, mặc dù đã am hiểu về pháp luật hình sự (hoặc đã từng vi phạm pháp luật) nhưng lại có thái độ chống đối pháp luật, chống đối xã hội, cố tình thực hiện hành vi phạm tội một cách

hung hăng, táo bạo, quyết liệt, bất chấp hậu quả cũng như sự trừng trị của pháp luật qua hành vi tái phạm tội hoặc phạm tội có tổ chức.

1.2.2.3. Nhu cầu, sở thích, thói quen

Đây là các yếu tố mang tính chất quyết định đối với động cơ phạm tội XPHĐTP, yếu tố này tác động trực tiếp đến quá trình hình thành động cơ, mục đích và thái độ thực hiện hành vi phạm tội. Đối với các đối tượng phạm tội XPHĐTP thì nhìn chung các đối tượng này có nhu cầu và sở thích vật chất, ham hưởng thụ,... Quan trọng hơn, nhóm đối tượng này có ý thức mong muốn thực hiện mọi biện pháp để thực hiện hành vi phạm tội nhằm thỏa mãn nhu cầu, sở thích của bản thân.

1.2.2.4. Động cơ, mục đích phạm tội

“Động cơ và mục đích của người thực hiện tội phạm được quyết định bởi nhu cầu và lợi ích của họ” [71, tr. 149]. Động cơ và mục đích của người phạm tội XPHĐTP là nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất của bản thân một cách bất chấp, không quan tâm đến quy định của pháp luật. Xác định động cơ, mục đích phạm tội có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xác định trách nhiệm hình sự.

1.2.3. Nhóm đặc điểm mang dấu hiệu xã hội

Nhóm đặc điểm này thể hiện qua các yếu tố: trình độ học vấn, hoàn cảnh gia đình, nơi cư trú, nhận thức về địa vị của bản thân trong xã hội và trách nhiệm đối với xã hội từ địa vị đó (trách nhiệm đối với nhóm yếu thế, đối với sự phát triển của xã hội, đối với sự gắn kết của cá nhân với xã hội,...)

1.2.3.1. Đặc điểm về trình độ học vấn

Sự phát triển của trí tuệ và nhận thức về thế giới quan bên ngoài có một phần lớn được tác động bởi học vấn. Học vấn ảnh hưởng sâu sắc đến sự hiểu biết, cách nhìn nhận sự việc, cách ứng xử đối với các mối quan hệ xã hội. Học vấn ảnh hưởng rất lớn đến trình độ hiểu biết pháp luật, qua đó ảnh hưởng đến xử

sự phạm tội của các đối tượng thực hiện hành vi XPHĐTP. Đặc điểm về trình độ học vấn sẽ được tác giả chia ra thành 04 nhóm như sau: nhóm không biết chữ; nhóm có trình độ học vấn từ tiểu học đến trung học cơ sở; nhóm có trình độ học vấn ở mức trung học phổ thông; nhóm có trình độ học vấn trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên.

1.2.3.2. Đặc điểm về hoàn cảnh gia đình

Gia đình là một xã hội thu nhỏ. Do đó, gia đình chính là xã hội đầu tiên mà con người từ khi sinh ra sẽ tiếp xúc và bị ảnh hưởng, tác động. Các yếu tố môi trường thuộc về gia đình có tác động sâu sắc đến quá trình hình thành nhân cách của các thành viên trong gia đình. “Hoàn cảnh gia đình và sự thay đổi của hoàn cảnh đó ở người phạm tội cũng ảnh hưởng đến sự hình thành các đặc điểm cá nhân, và ở một mức độ nhất định chúng cũng ảnh hưởng đến tính định hướng và tính vững chắc của hành vi phạm tội” [71, tr. 145]. Hoàn cảnh gia đình có thể xét đến như: tình trạng hôn nhân, điều kiện sống về mặt tinh thần, gia đình không hoàn thiện, gia đình khuyết thiếu,... hoặc vẫn đang độc thân. Các hoàn cảnh gia đình nêu trên sẽ được nghiên cứu nhằm đánh giá sự tác động của môi trường gia đình đến quá trình hình thành nhân cách lệch chuẩn của người phạm tội XPHĐTP

1.2.3.3. Đặc điểm về nơi cư trú

Nơi cư trú, nơi sinh sống (làng, xã, khu phố,...) được coi là một gia đình lớn của công dân. Hoàn cảnh kinh tế cũng như điều kiện phát triển chung của nơi cư trú có tác động mạnh mẽ đến ý thức và nhân cách của con người nơi đây. Có nghĩa, tại nơi cư trú, điều kiện sống (về kinh tế và tinh thần) tốt sẽ tác động tích cực đến quá trình hình thành nhân cách đúng đắn của mọi người nơi đây; ngược lại, nếu điều kiện sống không tốt, có nhiều tệ nạn xã hội, con người xung quanh tranh giành lợi ích một cách bất hợp pháp,... sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình hình thành những nhân cách của người dân nơi đây.

Với đặc điểm về nơi cư trú, người phạm tội XPHĐTP sẽ được chia thành 02 nhóm: có nơi cư trú ổn định và có nơi cư trú không ổn định. Ngoài những đặc điểm về học vấn, hoàn cảnh gia đình, nơi cư trú, những đặc điểm về mặt xã hội còn có những đặc điểm khác như: dân tộc, quốc tịch, tôn giáo,... Với đặc điểm về dân tộc sẽ được chia thành 02 nhóm: người dân tộc Kinh và người dân tộc thiểu số; đặc điểm về quốc tịch sẽ được chia thành 02 nhóm: nhóm có quốc tịch Việt Nam và nhóm không có quốc tịch Việt Nam.

1.2.3.4. Đặc điểm nghề nghiệp và địa vị xã hội

“Các đặc điểm về địa vị xã hội và nghề nghiệp của những người thực hiện tội phạm (công nhân, viên chức nhà nước, nông dân, học sinh, người về hưu,...) cho chúng ta biết được ở những điều kiện và nhóm xã hội nào, ở những lĩnh vực nào của hoạt động sống loại tội phạm này hay loại tội phạm khác được thực hiện; biết được những nhân tố phạm tội đặc trưng cho những nhóm người phạm tội khác nhau, những ngành khác nhau của nền kinh tế...” [71, tr. 144]. Với mỗi nghề nghiệp sẽ tạo cho con người những địa vị khác nhau trong xã hội, những ảnh hưởng của cá nhân đó đối với xã hội và ngược lại. Từ đây, việc nhìn nhận trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng, xã hội cũng sẽ khác nhau. Đặc điểm nhân thân người phạm tội từ khía cạnh nghề nghiệp được chia thành 02 nhóm là: người có nghề nghiệp ổn định và người có nghề nghiệp không ổn định.

1.2.4. Nhóm đặc điểm liên quan đến mối quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân

Mối quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân là một đặc điểm nhân thân của người phạm tội. Qua thực tiễn, không phải tội phạm nào cũng có mối quan hệ với nạn nhân như tội “cướp tài sản”. Tuy nhiên, cũng từ thực tiễn, giữa người phạm tội XPHĐTP và nạn nhân thường có mối quan hệ như: quan hệ gia đình, họ hàng, quan hệ quen biết; rất ít trường hợp mà giữa người phạm

tội XPHĐTP và nạn nhân không có mối quan hệ nào. Bản thân việc phạm tội XPHĐTP thể hiện sự suy đồi về mặt đức và nhận thức của người phạm tội, việc nạn nhân và người phạm tội có các mối quan hệ nêu trên lại càng thể hiện sự suy đồi về mặt đạo đức trong một bộ phận dân chúng đã đến mức báo động, cần thiết phải có sự quan tâm đặc biệt từ các nhà làm luật, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như toàn thể xã hội.

1.3. Những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPHĐTP

Thế kỷ XVIII, nhà triết học Hôn Bách khẳng định: “Con người khi mới được sinh ra vốn không thiện cũng không ác. Thiện hay ác là do hoàn cảnh tạo nên” [78]. Như vậy, các đặc điểm về nhân thân con người được hình thành qua quá trình tương tác lâu dài giữa thực thể đó với môi trường bên ngoài trong quá trình nhận thức thế giới khách quan. Trong quá trình tương tác đó, những yếu tố tích cực của môi trường sống sẽ có những tác động tốt đối với con người, hình thành những đặc điểm nhân thân tốt và ngược lại. Nếu mang trong mình những đặc điểm nhân thân xấu, con người khi gặp được điều kiện, hoàn cảnh cụ thể sẽ làm phát sinh tội phạm. Để làm rõ được những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPHĐTP, tác giả sẽ phân tích, làm rõ những yếu tố khách quan cũng như chủ quan mang những đặc điểm tiêu cực ảnh hưởng đến việc hình thành nhân thân người phạm tội XPHĐTP.

1.3.1. Các yếu tố khách quan thuộc môi trường sống

1.3.1.1. Môi trường gia đình

Ngày 28 tháng 6 năm 2016, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã phát biểu tại Lễ kỷ niệm 15 năm Ngày Gia đình Việt Nam: “Gia đình luôn giữ vai trò là tế bào của xã hội, là tổ ấm duy trì nòi giống, là thiết chế quan trọng để hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy

văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [80], thiết chế gia đình mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp cho xã hội. Môi trường gia đình là môi trường sống đầu tiên, có vai trò quan trọng trong việc hình thành, nuôi dưỡng và phát triển tính cách của con người. Ngược lại, sống trong môi trường gia đình không hạnh phúc, không lành mạnh, không có sự giáo dục tốt, không hướng đến những điều hay, lẽ phải, thường xuyên xuất hiện tình trạng cãi nhau, bạo lực, phạm pháp,... sẽ hình thành nên những nhân cách tiêu cực cho các thành viên trong gia đình. Các yếu tố tiêu cực, hạn chế từ môi trường gia đình tác động đến việc hình thành nhân thân người phạm tội XPHĐTP có các biểu hiện như:

- Gia đình khuyết thiếu (không có cha, không có mẹ hoặc không có cả cha lẫn mẹ): sống trong gia đình khuyết thiếu, trẻ bị thiếu thốn về mặt tình cảm, thiếu sự quan tâm, chăm sóc của cha mẹ là điều khó tránh khỏi. Sự bù đắp tình cảm từ cha dượng hoặc mẹ kế là không đủ hoặc không có đối với trẻ. Từ việc thiếu thốn này, trẻ dễ hình thành tâm lý tự ti, mặc cảm, ngang bướng, bất cần dẫn đến việc trẻ coi thường sự dạy bảo của cha mẹ, thầy cô, hình thành nhiều quan điểm tiêu cực. Với các biểu hiện này, trẻ dễ trở thành chủ thể của tội phạm XPHĐTP.

- Gia đình đông con: cha mẹ phải tập trung lo cho kinh tế gia đình nên không có thời gian gần gũi quan tâm, giáo dục con cái, dẫn đến trẻ thường sống ích kỷ, coi thường các giá trị đạo đức, coi thường pháp luật dẫn đến việc hình thành nơi trẻ những cách xử sự không đúng mực. Sống trong gia đình đông con, trẻ thường thiếu thốn về vật chất và tình cảm, không được học hành đến nơi đến chốn, không được quan tâm, dạy bảo những lúc cần thiết khiến trẻ trở nên chai sạn với tình cảm gia đình, dễ bị bạn bè xấu lôi kéo vào các con đường phạm pháp nói chung, phạm tội XPHĐTP nói riêng.

1.3.1.2. Môi trường giáo dục

Sau môi trường gia đình thì đây là môi trường thứ hai có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành nhân cách con người. Nhà trường cũng như các cơ sở giáo dục khác (sau đây gọi chung là nhà trường) đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo nên những con người có trí thức, có nền tảng đạo đức tốt, có những kỹ năng sống cần thiết cho xã hội. Do đó, nếu được nuôi dưỡng và đào tạo trong môi trường giáo dục tiên bộ, lành mạnh, trẻ sẽ trở thành người có lối sống tốt đẹp, có trách nhiệm với xã hội và hướng đến trở thành một công dân kiểu mẫu cho các thế hệ sau noi gương.

Ngược lại, nếu môi trường giáo dục không trong sạch, không lành mạnh, không tiên bộ, trẻ sẽ dễ dàng hình thành các nhân cách lệch lạc, trở thành người xấu, thành gánh nặng và mang đến sự trì trệ cho công cuộc phát triển chung của toàn xã hội. Những nhân tố không trong sạch, không lành mạnh, không tiên bộ thuộc về nhà trường gồm:

Thứ nhất, nhiệm vụ quản lý người đi học của nhà trường không tốt, không mang lại hiệu quả. Kỷ luật của nhà trường lỏng lẻo, không nghiêm, không đủ sức răn đe đối với người đi học. Học sinh, sinh viên khi đi học bị nhiễm những thói hư, tật xấu như trốn học, đua đòi, đánh nhau nhưng nhà trường không phát hiện, không xử lý nghiêm dẫn đến việc các em nhờn, xem nhẹ các nội quy, quy chế của nhà trường. Ở môi trường này, người đi học thường có biểu hiện chống đối, thích giải quyết vấn đề bằng bạo lực, tạo nên những phe phái, bè cánh rồi đánh nhau, tạo ra vấn nạn bạo lực nơi học đường – một vấn nạn nhức nhối đối với ngành giáo dục của nước ta hiện nay. Với tuổi đời thường khá trẻ, đang trong quá trình phát triển tâm sinh lý, muốn tìm hiểu, khám phá về giới tính, lại có thêm sở thích giải quyết vấn đề bằng bạo lực, các em dễ trở thành chủ thể của hành vi XPHĐTP.

Thứ hai, nội dung học quá tải, nghèo nàn; phương pháp dạy học chưa hợp lý, chưa khoa học; thiếu giáo dục về kỹ năng sống, giáo dục về giới tính,

giáo dục pháp luật. Đây là những vấn đề cần được khắc phục ngay lập tức đối với ngành giáo dục nước ta. Những hệ lụy của nó làm cho các em chán nản với việc học, trở nên thụ động, thiếu tự tin khi gặp các vấn đề về giới tính, hình thành tính cách lừa dối qua việc học chống đối, thói quen đua đòi theo các bạn, tụ tập và xa ngã vào các tệ nạn xã hội. Do không được giáo dục định hướng tốt, các em dễ xử sự theo cảm tính khi gặp phải sự xúi giục, lôi kéo của các đối tượng xấu vào con đường phạm tội, trong đó có tội XPHĐTP.

1.3.1.3. Môi trường bạn bè

Tục ngữ có câu “Học thầy không tày học bạn”. Qua đó ta cũng phần nào thấy được môi trường bạn bè cũng có vị trí rất quan trọng trong việc hình thành tính cách của các em.

Khi ở trường các em phải đối diện với thầy cô, ở nhà các em đối diện với cha mẹ, anh chị dễ gây cho các em tâm lý sợ sệt khi các em mắc lỗi hoặc học kém. Đối với bạn bè đồng trang lứa, các em có những suy nghĩ, cách nhìn nhận, thái độ tiếp xúc và tâm lý ứng xử giống nhau. Do đó, các em dễ dàng bộc lộ bản thân mình với bạn bè hơn do dễ nhận được sự cảm thông của bạn đồng trang lứa. Như vậy, qua việc kết bạn với những người bạn có tính cách tốt như chăm chỉ, lễ phép, trung thực,... các em sẽ học tập các tính cách tốt này của nhau, hình thành nên những đặc điểm nhân thân tích cực. Trường hợp kết thân với những người bạn có tính cách không tốt, lệch lạc như lười biếng, bất kính với mọi người, thói quen nói dối,... thì các em dễ bị rủ rê, lôi kéo vào những việc làm sai trái, dễ bị tác động và ảnh hưởng bởi những tính cách xấu đó, qua thời gian sẽ hình thành những đặc điểm nhân thân tiêu cực, tiền đề cho việc vi phạm pháp luật.

1.3.1.4. Môi trường kinh tế, xã hội vĩ mô

Nền kinh tế thị trường đang mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng lắm thách thức cho nền kinh tế Việt Nam. Kinh tế đất nước phát triển thúc đẩy văn hóa,

đạo đức được nâng cao, nhiều cơ chế, chính sách của nhà nước giúp cho người dân có cuộc sống sung túc hơn, khoa học công nghệ phát triển vượt bậc. Mở cửa nền kinh tế giúp đất nước hội nhập quốc tế, nhiều mối quan hệ hợp tác song phương, đa phương được ký kết, mở ra thêm cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam bước ra sân chơi toàn cầu.

Ngoài việc thúc đẩy sự phát triển chung của đất nước, kinh tế thị trường cũng mang đến nhiều hệ lụy như: tâm lý coi trọng đồng tiền, lối sống thực dụng làm suy thoái giá trị đạo đức; sự phân hóa giàu, nghèo trở nên sâu sắc, khó san lấp; một bộ phận dân cư hình thành tâm lý ăn chơi, đua đòi, nghiện bia rượu, cờ bạc, ma túy,... Đây là một trong những nguyên nhân chính làm hình thành nên chủ thể của tội XPHĐTP.

1.3.1.5. Môi trường văn hóa, tư tưởng, đạo đức

Ngoài sự hội nhập của kinh tế thị trường, nền văn hóa đất nước cũng được giao lưu, tiếp xúc với các nền văn hóa tiên tiến của nhiều quốc gia, dân tộc khác nhau trên toàn thế giới. Sự du nhập của các nền văn hóa quốc tế thúc đẩy đời sống văn hóa tinh thần của người dân Việt Nam được cải thiện, nâng cao, giá trị truyền thống dân tộc được phát huy mạnh mẽ, nhiều chuẩn mực đạo đức tiến bộ được hình thành.

Tuy nhiên, sự du nhập của các nền văn hóa quốc tế cũng cho thấy mặt trái của nó. Đời sống tinh thần trong nhân dân chưa được cải thiện một cách đồng đều, sự ảnh hưởng của văn hóa quốc tế chưa được chọn lọc kỹ càng, nhiều chuẩn mực đạo đức mới không phù hợp với văn hóa phương Đông của chúng ta,... Những nhân cách bị sai lệch này dẫn đến các hành vi phạm tội XPHĐTP.

1.3.2. Các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội XPHĐTP

“Nguyên nhân làm phát sinh tội phạm là sự tác động qua lại giữa yếu tố khách quan của môi trường sống với các yếu tố chủ quan thuộc về cá nhân

con người”[58, tr. 43-51]. Như vậy, các yếu tố chủ quan mang tính tiêu cực thuộc về cá nhân con người gặp môi trường sống thích hợp cho việc phát sinh tội phạm sẽ hình thành nên hành vi phạm tội. Tức là, con người khi mang trong mình những đặc điểm nhân thân xấu kết hợp với các tình huống tiêu cực cụ thể sẽ dễ làm phát sinh hành vi phạm tội. Trong khi đó “quá trình hình thành các đặc điểm nhân thân xấu phụ thuộc vào nhận thức chủ quan cũng như đặc điểm tâm lý của từng cá nhân cụ thể”[58, tr. 43-51]. Điều này lý giải cho sự khác nhau của việc có nhiều cá nhân sống trong cùng một điều kiện, hoàn cảnh nhưng có người phạm tội, có người không. Các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội XPHĐTP bao gồm những lệch lạc về quan điểm, thái độ, nhận thức về giá trị đạo đức và pháp luật; về nhu cầu, sở thích thói quen; về động cơ, mục đích nhằm thỏa mãn những nhu cầu sai lệch của mình.

Ý thức của người phạm tội XPHĐTP về giá trị đạo đức và pháp luật có ý nghĩa mang tính quyết định cho việc hình thành nên tư tưởng phạm tội, từ đó khi gặp được hoàn cảnh thích hợp cho việc phạm tội, tư tưởng này sẽ dẫn đến hành vi phạm tội XPHĐTP. Ý thức này được hình thành từ những quan điểm, thái độ, nhận thức sai lệch của người phạm tội do môi trường sống của họ mang lại.

Nhu cầu là vấn đề tất yếu của mọi người trong xã hội. Nếu chủ thể con người bị lệch lạc về nhu cầu cũng như cách thức thỏa mãn nhu cầu sẽ dễ dàng dẫn đến hành vi phạm tội.

Qua thực tiễn, đa số người phạm tội XPHĐTP có học vấn cao, hiểu biết pháp luật. Sự sai lệch về ý thức pháp luật đã dẫn đến nhiều trường hợp, các đối tượng không biết được là mình đang phạm tội XPHĐTP, cho rằng hành vi của mình là không phạm tội. Cá biệt, các đối tượng có tư tưởng chống đối pháp luật, xem thường pháp luật nên phạm tội XPHĐTP có tổ chức hoặc tái phạm tội.

Kết luận chương 1

Trong chương 1, tác giả tập trung làm rõ những vấn đề lý luận chung về nhân thân người phạm tội XPHĐTP như khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm và các yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPHĐTP.

Qua các lý luận được phân tích trong chương 1, tác giả đã làm sáng tỏ được cái chung nhất, khái quát nhất về nhân thân người phạm tội XPHĐTP

Những vấn đề được đề cập đến trong chương 1 sẽ là cơ sở lý luận cho việc đánh giá tình hình, thực trạng và diễn biến nhân thân người phạm tội XPHĐTP

Chương 2

NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP GIAI ĐOẠN 2013-2017

2.1. Khái quát tình hình tội XPHĐTP

“Tình hình tội phạm là một hiện tượng xã hội, pháp lý - hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính chất giai cấp bao gồm tổng thể thống nhất (hệ thống) các tội phạm thực hiện trong một xã hội (quốc gia) nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định” [71, tr. 61]. Như vậy, tình hình tội XPHĐTP giai đoạn từ 2013-2017 là tổng thể thống nhất tội XPHĐTP đã xảy ra trên địa bàn cả nước trong giai đoạn từ 2013-2017..

Để có cơ sở nghiên cứu tình hình tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước giai đoạn từ 2013-2017, tác giả nghiên cứu các vụ án xảy ra trên địa bàn thông qua các bản án được thu thập ngẫu nhiên đã xét xử trong giai đoạn nghiên cứu.

2.1.1. Mức độ (thực trạng) của tình hình tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước

Mức độ (thực trạng) của tình hình tội phạm là “đặc điểm định lượng tiêu biểu, cho biết về toàn bộ số người phạm tội cùng một số tội phạm do họ thực hiện trong một đơn vị thời gian và không gian nhất định” [56, tr. 17]. Như vậy, mức độ của tình hình tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước từ năm 2013-2017 được xác định thông qua toàn bộ số tội XPHĐTP đã xảy ra trên địa bàn cả nước trong thời gian nêu trên. Trong phạm vi luận văn này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPHĐTP đã được phát hiện và xử lý qua công tác xét xử của TAND (tội phạm rõ).

2.1.2. Thực trạng đơn thư khiếu nại, tố cáo hành vi XPHĐTP của cán bộ các cơ quan tư pháp

Trong nền kinh tế thị trường, cùng với sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội thì chúng ta cũng phải đối mặt với mặt trái của nó với nhiều vấn đề phức tạp như sự phân hóa giàu nghèo, tình trạng thất nghiệp. Số lượng tin báo, tố giác tội phạm liên quan đến hoạt động tư pháp mà người thực hiện hành vi là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp trong thời gian qua gửi đến Cục điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.1: Đơn tin báo, tố giác hành vi XPHĐTP của cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp (từ năm 2013 đến 2017)

Năm	Số đơn, tin báo từ năm trước		Số đơn, tin báo đã nhận		Số đơn, tin báo đã giải quyết		Số đơn, tin báo đang giải quyết	
	Đơn tin	Vụ việc	Đơn tin	Vụ việc	Đơn tin	Vụ việc	Đơn tin	Vụ việc
2013	14	14	173	74	132	60	55	28
2014	55	28	184	78	200	73	39	33
2015	39	33	96	73	97	68	38	38
2016	38	38	69	67	96	94	11	11
2017	11	11	178	92	126	75	65	28
Tổng			700	384	651	370		

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Thực tiễn công tác xác minh tin báo, tố giác tội phạm của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tất cả các đơn, tin gửi đến đều được thụ lý, xác minh và trả lời đến cá nhân, tổ chức gửi đơn. Qua đó giải quyết được những vấn đề bức xúc của công dân đối với cán bộ tư pháp, tránh tình trạng tố cáo kéo dài.

Trên cơ sở kết quả xác minh đã phát hiện, kiến nghị khắc phục những thiếu sót trong công tác quản lý cán bộ cũng như trong hoạt động tư pháp của các cơ quan tư pháp, qua đó làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm. Bảng số liệu sau đây thể hiện được đối tượng bị tố cáo phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp:

Bảng 2.2: Các đối tượng bị tố cáo có hành vi XPHĐTP là cán bộ thuộc cơ quan tư pháp xảy ra trên địa bàn cả nước (từ năm 2013 - 2017)

Năm	Cơ quan công an			Viện kiểm sát			Tòa án			Cơ quan thi hành án	
	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp Trung ương	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp Trung ương	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp Trung ương	Cấp huyện	Cấp tỉnh
2013	19	18	0	05	08	0	17	06	01	14	05
2014	25	10	02	08	04	0	11	03	01	05	06
2015	30	22	03	05	03	01	09	10	03	09	12
2016	34	10	03	04	0	0	24	12	02	12	08
2017	65	24	02	10	4	02	35	13	03	14	6
Cộng	173	84	10	32	19	03	96	44	10	54	37
Tổng	267			54			150			91	

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2.1.3. Một số hành vi vi phạm pháp luật cụ thể của cán bộ cơ quan tư pháp trong quá trình giải quyết vụ án hình sự

Các hành vi vi phạm pháp luật trong giai đoạn này thường thấy là vi phạm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, cán bộ điều tra bao gồm hai dạng hành vi chính: Một là, hành vi không khởi tố vụ án hoặc không khởi tố bị can khi có đủ căn cứ cần phải khởi tố. Hai là, khởi tố vụ án, khởi tố bị can không đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, hành vi ra quyết định, bản án pháp luật cũng tồn tại trên thực tế. Các chủ thể của cơ

quan tư pháp đã ban hành các quyết định, bản án không phù hợp với thực tế nội dung vụ án, hoặc áp dụng không đúng quy định của pháp luật vào các văn bản trên gây nên những thiệt hại cho các chủ thể tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức, xã hội. Những hành vi vi phạm này có thể cấu thành tội "Ra bản bản án trái pháp luật" (Điều 295 Bộ luật hình sự) hoặc tội "Ra quyết định trái pháp luật" (Điều 296 Bộ luật hình sự).

2.1.4. Thực trạng giải quyết các tội xâm phạm hoạt động tố pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp

Theo số liệu thống kê của Cục Thống kê Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong 5 năm từ năm 2013 đến 2017 trên địa bàn cả nước đã xảy ra 982 vụ án với 1.702 bị can phạm tội XPHĐTP.

Dưới đây là bảng thống kê số lượng án XPHĐTP từ năm 2006 đến 2010 xảy ra trong cả nước thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra và của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Bảng 2.3. Các vụ án XPHĐTP xảy ra trên địa bàn cả nước (từ năm 2013 đến năm 2017)

Năm	Khởi tố, điều tra		Truy tố		Xét xử	
	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can
2013	200	310	194	283	201	315
2014	194	331	179	311	177	296
2015	196	338	161	298	195	307
2016	203	379	198	345	196	340
2017	189	344	190	330	192	335
Tổng	982	1702	952	1567	961	1593

Nguồn: Cục thống kê Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Đối với các tội XPHĐTP mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp thực hiện trong 5 năm qua (2013-2017) Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiến hành điều tra 53 vụ án với 78 bị can.

Bảng 2.4: Các vụ án XPHĐTP mà người phạm tội là cán bộ thuộc cơ quan tư pháp (từ năm 2013 đến năm 2017)

Năm	Khởi tố, điều tra							
	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can
2013	10	11	01	01	08	09	08	08
2014	06	13	02	02	05	09	04	07
2015	09	11	01	01	08	09	08	09
2016	12	16	01	02	10	12	09	11
2017	16	27	01	02	14	19	13	17
Tổng	53	78	6	8	45	58	42	52

Nguồn: Cục thống kê Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Nghiên cứu những vụ án XPHĐTP mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp cho thấy tội phạm xảy ra ở tất cả các cơ quan tư pháp: Công an, Tòa án, Viện kiểm sát, Thi hành án; ở tất cả các cấp: quantrung ương, cấp tỉnh và cấp huyện. Sau đây là số liệu cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp đã bị khởi tố bị can để điều tra.

Bảng 2.5. Số lượng bị can trong các vụ án XPHĐTP mà người phạm tội là cán bộ thuộc cơ quan tư pháp (Từ 2013 đến 2017)

Năm	Tổng số	Bị can thuộc cơ quan công an	Bị can thuộc Viện kiểm sát	Bị can thuộc Tòa án	Bị can thuộc Cơ quan thi hành án
2013	11	8	0	1	2
2014	13	6	2	4	1
2015	11	6	1	3	1
2016	16	6	0	5	5
2017	27	15	7	3	2
Tổng	78	41	10	16	11

Nguồn: Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Số lượng cán bộ tư pháp phạm tội chủ yếu tập trung cơ cấp quận huyện ví đây là các đơn vị trực tiếp tiến hành thực hiện các thủ tục tố tụng ban đầu cũng như xét xử ở cấp sơ thẩm. Năm 2013 có 10 vụ án về các tội danh này thí xảy ra ở cấp huyện đến 08 vụ, còn 02 vụ xảy ra ở cấp tỉnh. Các vụ án xảy ra ở cấp huyện thường chiếm từ 70% - 85% tổng số vụ xảy ra trên thực tế.

2.1.5. Diễn biến (động thái) của tình hình tội phạm XPHĐTP trên địa bàn cả nước.

“Động thái (diễn biến) của tình hình tội phạm là sự vận động và sự thay đổi của thực trạng và cơ cấu của tình hình tội phạm trong khoảng thời gian nhất định (một năm, ba năm, năm năm, mười năm, ...)” [71, tr. 64]. Tình hình tội phạm mang tính xã hội nên luôn mang trong mình đặc tính vận động, thay đổi theo thời gian. Do vậy, nếu nắm bắt được sự thay đổi của tình hình tội phạm sẽ giúp ích cho việc hoạch định kế hoạch và phương thức phòng ngừa loại tội phạm một cách hiệu quả. Sự phản ánh của diễn biến của tình hình tội phạm cho ta biết về sự tăng, giảm hay ổn định tương đối của loại tội phạm.

2.2. Cơ cấu người phạm tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước theo các đặc điểm nhân thân

2.2.1. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về độ tuổi, giới tính

Theo thống kê của Cục Điều tra VKSND tối cao, từ năm 2013 đến 2017, loại tội phạm chiếm số lượng nhiều nhất là: Tội Thiếu trách nhiệm đề người bị giam, giữ trốn 41vụ/46 bị can (chiếm tỉ lệ 39,8% về số vụ và 38% số bị can); thứ hai là tội Dùng nhục hình 18 vụ/24 bị can (chiếm tỉ lệ 17,5% về số vụ và 19,8% số bị can) ; tiếp theo là các tội Ra quyết định trái pháp luật là 17 vụ/19 bị can (chiếm tỉ lệ 16,5% về số vụ và 15,7% số bị can); tội Làm sai lệch hồ sơ vụ án là 11 vụ/12 bị can (chiếm tỉ lệ 10,7% về số vụ và 9,9% số bị

can). Những tội phạm XPHĐTP khác có số lượng vụ án và bị can chiếm tỉ lệ thấp. Cá biệt, có một số tội phạm trong 5 năm chỉ khởi tố được 1 vụ/1 bị can hoặc không khởi tố, điều tra vụ nào như: Tội “Ra bản án trái pháp luật”, tội “Bức cung”...

Nghiên cứu số liệu về những tội phạm cụ thể đã được thống kê nói trên thì thấy rằng, tội phạm XPHĐTP do cả nam và nữ thực hiện chia đều theo các cơ quan tư pháp. Theo báo cáo của ngành Kiểm sát thì số vụ phạm tội và số người phạm tội thuộc ngành Công an là 42 vụ/56 bị can (chiếm 40,7% số vụ và 46,2% 19 số bị can); thuộc ngành Tòa án là 25 vụ/23 bị can (chiếm 24,3% số vụ và 19% số bị can); thuộc ngành Kiểm sát là 8 vụ/10 bị can (chiếm 7,7% số vụ và 8,3% số bị can); thuộc cơ quan Thi hành án là 28 vụ/32 bị can (chiếm 27,1% số vụ và 26,5% số bị can). Trong đó, các vụ phạm tội chủ yếu xảy ra ở cấp huyện (65%), ở cấp tỉnh (33%), ở cấp trung ương (2%).

2.2.2. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về sức khỏe

Nghiên cứu 59 bị cáo, tác giả phân chia thành 02 nhóm là nhóm bị cáo có sức khỏe bình thường và nhóm bị cáo có sức khỏe không bình thường (về thể chất hoặc tâm thần) Từ số liệu thống kê cho thấy số bị cáo có sức khỏe không bình thường là 0 bị cáo (tỉ lệ 0%) còn lại 59 bị cáo đều có sức khỏe bình thường (tỉ lệ 100%). Như vậy, đa số các bị cáo phạm tội XPHĐTP có sức khỏe bình thường, có khả năng nhận thức về hành vi phạm tội của mình.

2.2.3. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về trình độ học vấn

Chủ thể của nhóm tội phạm XPHĐTP là chủ thể đặc biệt, đó là những cán bộ, công chức trong các cơ quan tiến hành tố tụng, có kiến thức chuyên sâu về công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án như: Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Chấp hành viên... Những đối tượng này không chỉ có kiến thức pháp luật mà còn có trình độ nghiệp vụ chuyên ngành nên thủ

đoạn phạm tội cũng như việc che giấu hành vi phạm tội rất tinh vi. Do đó, người phạm tội XPHĐTP có trình độ học vấn cao.

2.2.4. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về hoàn cảnh gia đình

Gia đình là nơi thường xuyên giám sát mọi hoạt động và luôn nhắc nhở, kiểm điểm lên án mọi hành vi sai trái của các thành viên trong gia đình. Các thành viên trong gia đình một khi đã ý thức được hành vi của mình thì họ phải lựa chọn không để hậu quả hành vi của mình ảnh hưởng đến các thành viên trong gia đình và truyền thống gia đình mình, cho nên có nhiều hành vi sai chuẩn mực, có dấu hiệu sai phạm đã được các gia đình phát hiện; có biện pháp ngăn chặn, uốn nắn hoặc kết hợp với các tổ chức đoàn thể địa phương ngăn ngừa kịp thời không để cho vi phạm, tội phạm xảy ra.

Nếu như khi mọi sự cố gắng của gia đình ít phát huy tác dụng, dẫn đến thành viên trong gia đình vi phạm và đi vào con đường phạm tội thì gia đình vẫn có thể tham gia phát hiện tội phạm, tố giác tội phạm để họ không thể tiếp tục lún sâu hơn nữa vào con đường phạm tội. Tác giả tiến hành nghiên cứu vấn đề này thông qua việc thống kê hoàn cảnh gia đình của 59 bị cáo đã được xét xử về tội XPHĐTP trong giai đoạn 2013-2017: Số bị cáo không có hoàn cảnh gia đình thuận lợi chiếm 100%. Với kết quả thống kê, nhận thấy: Gia đình không phải là yếu tố tác động đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

2.2.5. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về nơi cư trú, quốc tịch, tôn giáo

Mỗi nơi cư trú của người phạm tội có những đặc thù riêng mang nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành nhân thân của người phạm tội nói chung và người phạm tội XPHĐTP nói riêng.

Xét về dân tộc, nghiên cứu 165 bị cáo, chỉ có 16 bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Khmer) chiếm tỷ lệ 9,69%, còn lại 149 bị cáo là người dân tộc Kinh chiếm 90,31%.

Xét về quốc tịch và tôn giáo, 165 bị cáo đều là có quốc tịch Việt Nam và 153 bị cáo không theo tôn giáo nào, chỉ có 2 bị cáo theo tôn giáo, trong đó Thiên chúa giáo 01 bị cáo, phật giáo 01 bị cáo.

2.2.6. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về nghề nghiệp

Tác giả phân chia nhóm đặc điểm nhân thân này theo 02 tiêu chí là nhóm có nghề nghiệp ổn định (học sinh sinh viên, công nhân, công viên chức, lái xe, chăn nuôi, bán vé số,...) và nhóm có nghề nghiệp không ổn định (không nghề nghiệp, làm thuê, thợ xây, phụ hồ, làm rẫy, làm nông). Các tội XPHĐTP do các cán bộ thuộc các CQTP thực hiện có tính nguy hiểm cao cho xã hội, bởi hành vi phạm tội đã xâm hại đến các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực tố tụng như hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Tội phạm trực tiếp xâm phạm đến tính đúng đắn trong HĐTP của các CQTP và không chỉ gây tổn hại đến uy tín cũng như việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của các CQTP mà còn xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Do đó, người phạm tội XPHĐTP là người có nghề nghiệp ổn định, thậm chí là có chức vụ cao.

2.2.7. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm tái phạm tội

Thống kê 55 bản án với 59 bị cáo phạm tội XPHĐTP giai đoạn 2013-2017 cho thấy: các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, qua số liệu thống kê tác giả nhận thấy: số bị cáo bị xét xử có tình tiết “tái phạm” là 0 bị cáo (chiếm 100% trong tổng số bị cáo bị xét xử về tội XPHĐTP).

2.2.8. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về động cơ, mục đích phạm tội và thái độ khai báo

Ngoài tội “Thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ trốn” (Điều 301 BLHS) được thực hiện với lỗi vô ý, các tội còn lại được người phạm tội thực hiện với lỗi cố ý. Động cơ, mục đích phạm tội đều không phải là dấu hiệu bắt buộc để định tội đối với loại tội phạm này nhưng lại có ý nghĩa quan trọng trong việc xem xét quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Tuy không được quy định trực tiếp trong điều luật nhưng qua thực tiễn xét xử thì đa số cán bộ CQTP phạm tội XPHĐTP là do tham nhũng, tư lợi, chạy theo thành tích, hay sĩ diện cá nhân...

2.2.9. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về mối quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân

Khác với việc phát hiện, điều tra một số loại tội phạm khác như giết người, trộm cắp, cướp tài sản...việc xác định, truy tìm người phạm tội ban đầu có thể gặp khó khăn nhưng đối với nhóm tội XPHĐTP do các cán bộ CQTP thực hiện ngay từ đầu đã có thể xác định được người thực hiện hành vi phạm tội (Ví dụ: Tội ra bản án trái pháp luật - Chủ thể chỉ có thể là Thẩm phán, Hội thẩm; Tội Truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội - Chủ thể chỉ có thể là người có thẩm quyền trong việc truy cứu TNHS như Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS, ĐTV, KSV). Tuy nhiên, quá trình chứng minh tội phạm cũng như đấu tranh làm rõ hành vi phạm tội của họ lại là một quá trình đầy khó khăn, phức tạp đòi hỏi phải có phương pháp cũng như chiến thuật điều tra linh hoạt. Thậm chí, ngay cả đã làm rõ hành vi phạm tội, việc xử lý tội phạm cũng gặp nhiều khó khăn vì đối tượng thường lợi dụng các mối quan hệ để “chạy chọt” gây cản trở cho quá trình xử lý vụ án... Do đó, cũng gây ra không ít khó khăn cho công tác phát hiện, điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án.

2.3. Đặc điểm nhân thân đặc trưng của người phạm tội XPHĐTP

Cho đến nay vẫn chưa có thống kê riêng về những hậu quả do các tội phạm XPHĐTP mà người phạm tội là cán bộ tư pháp gây ra, nhưng qua kết quả khảo sát thực tiễn chúng tôi nhận thấy, trong 5 năm qua, loại tội phạm này không chỉ có chiều hướng gia tăng về số vụ án và số bị can mà tính chất của tội phạm cũng ngày càng nguy hiểm hơn. Đã có nhiều vụ án oan, sai do hành vi phạm tội XPHĐTP của các cán bộ tư pháp gây ra, xâm hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước, đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của công dân, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Điển hình như, năm 2013 đã xảy ra 04 vụ dùng nhục hình gây ra hậu quả làm chết 02 người, gây thương tích cho 5 người khác với tỉ lệ thương tật từ 12% đến 40%; 09 vụ phạm tội Thiếu trách nhiệm để 17 bị can bỏ trốn khỏi nơi giam, giữ; 04 vụ ra quyết định trái pháp luật trong thi hành án đã gây thiệt hại cho các đương sự tới 48 tỉ đồng. Ngoài ra, còn có những hành vi phạm tội XPHĐTP khác như: Làm sai lệch hồ sơ vụ án, không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội đã làm cho việc giải quyết vụ án bị oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Ví dụ: Vụ án T. N. C (nguyên Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án) đã ra quyết định kê biên, bán đấu giá trái pháp luật căn nhà số 194 ở Phố Huế, quận HBT, Hà Nội, gây thiệt hại cho đương sự hàng chục tỉ đồng; vụ án Ph. T. T. T. (nguyên KSV VKSND thành phố VT, tỉnh HG) đã làm sai lệch hồ sơ vụ án mua bán trái phép chất ma túy để giao trả trái pháp luật vật chứng của vụ án là số tài sản trị giá trên ba trăm triệu đồng cho bị can, đồng thời còn cho 3 bị can được bảo lãnh, tại ngoại, dẫn đến việc bị can đầu vụ bỏ trốn; Vụ án dùng nhục hình của 5 Điều tra viên Công an thành phố TH, tỉnh PY đối với bị can N.T. K., làm bị can chết...đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của các cán bộ tư pháp, các CQTP, làm giảm sút niềm tin của nhân dân vào công lý. Chính vì vậy, khi đánh giá về những tồn tại, hạn chế trong công tác tư pháp ở nước ta thời gian qua, Nghị

quyết số 08 –NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị đã nêu: “còn nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và các CQTP”. Do đó, việc tăng cường hơn nữa những biện pháp đấu tranh phòng, chống nhóm tội phạm này là hết sức cần thiết.

2.4. Thực tiễn những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPHĐTP

2.4.1. Các yếu tố khách quan thuộc môi trường sống

2.4.1.1. Môi trường gia đình

Theo số liệu thống kê của Cục Điều tra VKSND tối cao thì hàng năm số lượng tội phạm và người phạm tội XPHĐTP bị khởi tố, điều tra chiếm tỉ lệ rất nhỏ so với tổng số tội phạm và người phạm tội trên toàn quốc. Trong 5 năm qua, các CQĐT đã khởi tố 876 vụ án về tội XPHĐTP (chiếm tỉ lệ khoảng 0,25 % trên tổng số vụ án hình sự). Điều đáng nói là, trong số các vụ phạm tội XPHĐTP thì số vụ án XPHĐTP do cán bộ của các CQTP thực hiện lại chiếm một tỉ lệ không nhỏ. Từ năm 2013 đến 2017, CQĐT của VKSND tối cao đã khởi tố 205 vụ/234 bị can (chiếm tỉ lệ khoảng 23,4 % trên tổng số vụ án và 13,3% trên tổng số bị can bị khởi tố về tội XPHĐTP). Trung bình mỗi năm khởi tố 41 vụ/46,8 bị can. Cụ thể là:

- Năm 2013, khởi tố 16 vụ/21 bị can (giảm 2 vụ, 8 bị can so với 2012).
 - Năm 2014, khởi tố 21 vụ/42 bị can (tăng 5 vụ, 21 bị can so với 2013).
 - Năm 2015, khởi tố 52 vụ/70 bị can (tăng 31 vụ, 28 so với 2014).
 - Năm 2016, có 66 vụ/68 bị can (tăng 14 vụ, giảm 2 bị can so với 2015).
 - Năm 2017, khởi tố 50 vụ/33 bị can (giảm 16 vụ, 02 bị can so với 2016).
- Như vậy, có thể thấy, tình hình tội phạm XPHĐTP do cán bộ của các CQTP thực hiện đang có những diễn biến phức tạp, tăng, giảm không đồng đều nhưng tăng là xu hướng chung. Trong đó, năm 2016 có số bị can tăng cao

nhất và năm 2017 có số vụ án khởi tố tăng cao nhất. Nếu lấy số vụ án và bị can đã khởi tố năm 2013 làm mốc là 100% thì năm có số vụ án tăng cao nhất lên tới 412,5% (năm 2015) và năm có số bị can tăng cao nhất lên tới 333,3% (năm 2016). Trung bình trong 5 năm đã tăng gấp 3 lần về số vụ và 3,5 lần về số bị can. Riêng năm 2017, cả số vụ và số bị can đều giảm so với hai năm trước đó. Điều đó cho thấy diễn biến phức tạp của nhóm tội phạm này. Trong số 205 vụ với 234 bị can nói trên thì số tội phạm XPHĐTP mà người phạm tội là cán bộ các CQTP là 103 vụ/121 bị can; ngoài ra số vụ phạm tội khác phát sinh từ HĐTP do các cán bộ các CQTP thực hiện hoặc có liên quan 18 đến những vụ án mà CQĐT của VKSND tối cao đang khởi tố, điều tra là 102 vụ/113 bị can. Như vậy, có thể thấy, từ năm 2013 đến năm 2017, số lượng vụ án XPHĐTP mà bị can là cán bộ của các CQTP chiếm một tỉ lệ đáng kể (khoảng 50%) trong tổng số các vụ án và bị can mà Cơ quan điều tra VKSND tối cao đã khởi tố, điều tra theo thẩm quyền. Điều này cho thấy, cũng như nhiều loại tội phạm khác, các tội XPHĐTP đang có chiều hướng gia tăng mạnh mẽ do những ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế, xã hội theo quy luật kinh tế thị trường. Vì thế, công tác đấu tranh phòng, chống các hành vi phạm tội XPHĐTP của các cán bộ tư pháp sẽ là một công việc khó khăn, lâu dài và phức tạp, đòi hỏi phải có sự kết hợp đồng bộ, thường xuyên các biện pháp phòng ngừa tội phạm nói chung và biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm nguy hiểm này. Tuy nhiên, mức độ, diễn biến của THTP cũng mới chỉ là sự phản ánh hình thức bề ngoài mà chưa lột tả hết bản chất của THTP. Cho nên để có thể đưa ra những nhận định, đánh giá kết luận chính xác về tính chất, mức độ nghiêm trọng của THTP về các tội XPHĐTP do cán bộ thuộc các CQTP thực hiện cần phải nghiên cứu các mặt bên trong nói lên bản chất của nó. Mặt bên trong đó chính là các chỉ số về cơ cấu của từng loại tội phạm và tính chất của THTP. Như vậy, loại tội phạm này

đều là người có trình độ cao, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện.

2.4.1.3. Môi trường bạn bè

CQĐT của VKSND tối cao chưa quản lý được đầy đủ tình hình tội XPHĐTP do cán bộ của các CQTP thực hiện, trên toàn quốc. Một số địa phương xảy ra tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT này nhưng VKSND địa phương vẫn “làm ngơ” để CQĐT khác điều tra, không chuyển cho CQĐT của VKSND tối cao, chỉ đến khi vụ việc trở nên phức tạp, địa phương không giải quyết được mới thông tin, báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền

Tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố là hoạt động “mở đầu” cho quá trình phát hiện, khởi tố, điều tra, xử lý tội phạm nên lãnh đạo Cơ quan điều tra VKSND tối cao đã hết chú trọng đến hoạt động này bằng việc thường xuyên chỉ đạo các phòng nghiệp vụ tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận, thu thập tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền nhằm đảm bảo mọi hành vi tội phạm XPHĐTP do các cán bộ tư pháp thực hiện được phát hiện và xử lý kịp thời. Để làm tốt nhiệm vụ này, các phòng nghiệp vụ của Cơ quan điều tra VKSND tối cao đã tích cực và có nhiều biện pháp để chủ động phát hiện, thu thập tố giác, tin báo về tội phạm thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn được phân công; thực hiện có hiệu quả các biện pháp nghiệp vụ nhằm phát hiện tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của mình. Cụ thể, trên cơ sở các thông tin về tội phạm đã tiếp nhận, thu thập; trọng tâm là các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố mà dư luận xã hội quan tâm, được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc do các cơ quan Đảng, Nhà nước và lãnh đạo VKSND tối cao chỉ đạo giải quyết; các Điều tra viên tập trung nghiên cứu, phân loại, tổ chức kiểm tra xác minh. Đối với những thông tin về tội phạm

chưa rõ thẩm quyền thì phối hợp với Viện kiểm sát địa phương để xác minh, làm rõ. Đồng thời triển khai thực hiện Quy chế tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra VKSND tối cao (Quy chế 116), xây dựng mạng lưới cộng tác viên cơ sở ở các địa bàn; duy trì hộp thư tố giác, tin báo tội phạm, phát triển hộp thư điện tử trên Website của ngành Kiểm sát; đảm bảo quá trình xác minh tố giác, tin báo về tội phạm XPHĐTP theo đúng trình tự, quy định của BLTTHS.

2.4.1.4. Môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội vĩ mô

Chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công chức nói chung và cán bộ tư pháp nói riêng còn nhiều hạn chế, đời sống của nhiều cán bộ gặp khó khăn và ảnh hưởng không nhỏ tới ý thức của các cán bộ tư pháp là sức cám dỗ của đồng tiền. Điển hình là vụ N.T.P, N.V.N (Lãnh đạo phòng Cảnh sát điều tra Công an TG) đã chỉ đạo cho các cán bộ, ĐTV dưới quyền đem số tiền trên 5 tỉ đồng thu giữ trong vụ án 502X gửi ngân hàng để lấy lãi chia nhau, phục vụ đời sống của một nhóm cán bộ. Hoặc vụ N.V.H, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án huyện NG, tỉnh HD đã nhận 405 triệu đồng của người thi hành án nhưng không nộp vào quỹ của Chi cục mà sử dụng cho cá nhân. Đây là vấn đề cần được xem xét kỹ hơn trong tình hình xã hội hiện nay, khi các hiện tượng tiêu cực hàng ngày len lỏi vào đội ngũ cán bộ, viên chức, trong đó có đội ngũ cán bộ tư pháp. Ngoài ra, còn có nguyên nhân là sự yếu kém trong công tác quản lý cán bộ của một số CQTP chưa thật chặt chẽ, khen thưởng, kỷ luật chưa nghiêm minh, chưa thường xuyên giáo dục ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ. Thậm chí có một số lãnh đạo cơ quan còn có tư tưởng cục bộ, bao che cho cán bộ khi phát hiện có sai phạm thì tìm cách che giấu để xử lý nội bộ. Chính điều này đã làm cản trở việc phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm, phạm tội XPHĐTP của các cán bộ tư pháp. Những

nguyên nhân, điều kiện nói trên đã làm phát sinh và tạo điều kiện thuận lợi cho sự gia tăng của THTP về các tội XPHĐTP do cán bộ thuộc các CQTP thực hiện.

2.4.2. Các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội

Các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội dẫn đến hình thành nên những nhân thân xấu nơi người phạm tội XPHĐTP gồm: sự sai lệch về mặt sở thích; sự ảnh hưởng của trình độ học vấn, khả năng kiềm chế và kiểm soát hành vi; sự hạn chế về ý thức pháp luật của cá nhân.

2.4.2.1. Sai lệch về sở thích

Đa số người phạm tội có nhận thức sai lệch về tầm quan trọng của vị trí công tác, quyền hạn của mình, cho rằng mình là người đang nắm và thừa hành pháp luật nên có thái độ cửa quyền, hách dịch, coi thường tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của bị can, bị cáo hay của các đương sự.... Điển hình như vụ án T. B.T, N. V. Q.– nguyên Điều tra viên công an Thành phố NT đã đánh đập bà T. T. L. để lấy lời khai, chỉ vì nghi ngờ bà L trộm cắp tiền của chủ nhà. Hậu quả bà L. đã bị thương tích nặng nhưng sau khi xác minh thì bà L. không phải là thủ phạm

Bên cạnh những cán bộ tư pháp tận tâm, hết lòng vì công việc chung thì có nhiều cán bộ tư pháp còn vì tư lợi cá nhân mà phạm tội, thuộc trường hợp này là những người phạm các tội tham nhũng, hối lộ trong hoạt động tư pháp. Ví dụ: P.T.T.T – nguyên Kiểm sát viên huyện VT, tỉnh HG đã nhận hối lộ của các bị can phạm tội ma túy để làm sai lệch hồ sơ vụ án bằng cách tạo dựng biên bản lấy lời khai, giả mạo chữ ký của nhân chứng, từ đó đã trả trái phép 11 lượng vàng cho bị can N.T.H., đồng thời đã đề xuất cho bị can này được bảo lãnh tại ngoại và xử phạt dưới khung hình phạt của điều luật

2.4.2.2. Trình độ học vấn, khả năng kiềm chế và kiểm soát hành vi

Hiện tại vẫn còn có những cán bộ số cán bộ phạm tội do trình độ nghiệp vụ thấp kém vì không được đào tạo bài bản, kiến thức pháp luật, kiến thức chuyên môn còn chắp vá, trình độ nghiệp vụ còn non kém, trong khi hoạt động tư pháp là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước, có ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của con người, đòi hỏi những người thực hiện hoạt động này ngoài phẩm chất chính trị và đạo đức cần thiết còn phải được đào tạo một cách chính quy và bài bản để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, do những điều kiện khách quan và chủ quan, chúng ta chưa có được đội ngũ cán bộ điều tra, truy tố, xét xử hay thi hành án ngang tầm nhiệm vụ. Nhận xét về hạn chế của đội ngũ cán bộ các CQTP hiện nay, Nghị quyết số 49- NQ/TW năm 2005 của Đảng về Chiến lược Cải cách tư pháp đã nêu: “Đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp còn thiếu; trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, thậm chí có một số cán bộ sa sút về phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp”.

Một số cán bộ tư pháp có thái độ thờ ơ, bàng quan trước nhiệm vụ của mình, trước các trách nhiệm mà pháp luật đã quy định dẫn đến tắc trách, lơ là, tùy tiện trong công tác quản lý, điều hành các hoạt động tư pháp hay khi trực tiếp tiến hành những hoạt động tố tụng... nên đã gây ra hậu quả nghiêm trọng từ sự thiếu trách nhiệm đó. Điển hình như trường hợp T.V.V. và một số cán bộ trại giam Công an tỉnh TH đã thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra buồng giam để các bị can mang nhiều lưỡi cưa sắt vào phòng giam, làm công cụ để cắt song sắt ô thoáng, phá cửa 04 buồng giam để 04 bị can đang bị giam về các tội phạm rất nghiêm trọng trốn khỏi nơi giam đêm 03/11/2014. Hoặc như H.V.C - nguyên cán bộ quản giáo trại giam HT vì thiếu trách nhiệm nên đã để một phạm nhân bỏ trốn khỏi trại giam sau đó phạm tội giết người

2.5. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết các vụ án XPHĐTP

Trên thực tế có nhiều những khó khăn vướng mắc trong việc giải quyết loại án này.

Thứ nhất, dù các vụ án XPHĐTP trong 5 năm qua không có những biến động đột biến về số lượng nhưng tình chất phức tạp của các vụ án không hề giảm, đặc biệt là những đối tượng phạm tội có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan tư pháp có xu hướng gia tăng đặc biệt là các đối tượng có thâm niên công tác lâu năm, nắm rõ các quy định của pháp luật.

Thứ hai, cũng chính từ đặc điểm đặc trưng về chủ thể của tội phạm này là những cán bộ tư pháp - những người có trình độ pháp lý, hiểu biết xã hội, được giáo dục về đạo đức, tác phong của người cán bộ tư pháp, nên có những trường hợp phạm tội do nóng vội hoặc trước sức ép công việc mong muốn hoàn thành nhiệm vụ nên có hành vi vi phạm pháp luật.

Thứ ba, Cơ quan điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát quân sự trung ương là cơ quan có nhiệm vụ chức năng phát hiện điều tra loại tội phạm này lại có trụ sở duy nhất tại Hà Nội, còn tính hình tội phạm như đã nêu diễn ra trên phạm vi cả nước, ở tất cả các cấp hành chính, mà lớn các vụ việc phải tiến hành điều tra, xác minh ở địa phương, xa trụ sở cơ quan, xa nhà nên việc đi lại điều tra xác minh của các điều tra viên mất nhiều thời gian, tốn kém tiền của, không thể có sự chỉ đạo sát sao, thường xuyên của lãnh đạo đơn vị... Đây cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng công tác động điều tra loại án nêu trên.

Thứ tư, đối với hoạt động xác minh tin báo, tố giác tội phạm XPHĐTP, khởi tố vụ án, khởi tố bị can, giải quyết vụ án còn những bất cập. Công tác thụ lý, phân loại đơn tin thuộc thẩm quyền còn hạn chế dẫn đến việc xác minh tràn lan, xác minh nhiều nhưng án khởi tố chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ số

lượng vụ việc được xác minh. Vẫn còn tính trạng kéo dài thời gian xác minh, việc trả lời đơn tố cáo của công dân còn chưa đảm bảo thời gian theo quy định của pháp luật.

Thứ năm, trong một vài vụ án việc điều tra, thu thập chứng cứ còn chưa được thực hiện nghiêm túc, chưa áp dụng hết các biện pháp mà pháp luật cho phép để điều tra. Còn để xảy ra tính trạng có đủ căn cứ để khởi tố vụ án nhưng hết thời hạn điều tra phải đình chỉ điều tra chỉ do không xác định được đối tượng thực hiện hành vi phạm tội hoặc đã khởi tố điều tra vụ án, khởi tố điều tra bị can nhưng sau đó phải đình chỉ do miễn truy cứu trách nhiệm hình sự.

Kết luận chương 2

Trong chương 2, tác giả tập trung làm rõ về tình hình tội phạm XPHĐTP và các đặc điểm của nhân thân người phạm tội XPHĐTP, cũng như những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước giai đoạn 2013-2017. Tác giả rút ra được một số kết luận:

Bằng phương pháp tổng hợp, phân tích, thống kê, so sánh và khảo sát thực tiễn, trong Chương 2, tác giả đã làm rõ thực trạng, diễn biến tình hình tội phạm về các tội XPHĐTP, tìm ra những tồn tại, hạn chế trong công tác đấu tranh phòng, chống nhóm tội phạm này, đồng thời chỉ ra những nguyên nhân khách quan và chủ quan của những tồn tại, hạn chế đó. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để dự báo chính xác tình hình tội phạm XPHĐTP trong thời gian tới và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống nhóm tội phạm này trong Chương 3.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI XPHĐTP TỪ GÓC ĐỘ NHÂN THÂN TRONG THỜI GIAN TỚI

Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm hoạt động tư pháp ở Việt Nam trong thời gian tới Như trên đã phân tích, các tội XPHĐTP xảy ra là do có những nguyên nhân nhất định. Để có thể đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này cần phải dựa trên kết quả nghiên cứu những nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế của công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này trong thời gian qua và những yêu cầu về đấu tranh phòng chống tội phạm XPHĐTP nói chung trong tiến trình cải cách tư pháp ở Việt Nam. Chính vì lẽ đó, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp sau đây:

3.1. Dự báo tình hình tội XPHĐTP

Dự báo tình hình tội phạm là sự phán đoán về thực trạng, diễn biến, tính chất của tình hình tội phạm có thể xảy ra trong tương lai, về các nguyên nhân và điều kiện, về các khả năng phòng chống nó trong từng giai đoạn nhất định và việc đánh giá về chất và lượng của những thay đổi trong tình hình tội phạm, các nguyên nhân và điều kiện của nó [71, tr. 183]. Như vậy, dự báo tình hình tội phạm có những ảnh hưởng to lớn đối với công tác phòng ngừa tình hình tội phạm. Để dự báo xu hướng của tình hình tội XPHDDTP trong thời gian tới trên địa bàn cả nước, tác giả đưa ra một số dự báo chung về tình hình tội XPHDDTP từ khía cạnh nhân thân người phạm tội.

3.1.1. Cơ sở dự báo

Tình hình tội phạm XPHĐTP là một phần trong bức tranh tổng thể của tình hình tội phạm nói chung. Chính vì vậy, những yếu tố tác động đến THTP chung cũng sẽ là những yếu tố ảnh hưởng đến THTP của các tội XPHĐTP. Do đó, để có thể đưa ra những dự báo về tình hình diễn biến của nhóm tội

phạm này, trước hết, phải nhận biết được các yếu tố tác động đến THTP nói chung ở nước ta hiện nay. Tình hình tội phạm luôn có liên quan chặt chẽ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong một khoảng thời gian nhất định. Vì thế, THTP nói chung ở nước ta và THTP của các tội XPHĐTP mà người phạm tội là cán bộ thuộc các CQTP nói riêng, trong thời gian tới sẽ có những biến động bởi những nhân tố chủ yếu sau đây:

+ *Một là*, những tác động về kinh tế - xã hội: Trong xu thế hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế theo quy luật kinh tế thị trường, đã có một bộ phận không nhỏ người dân nước ta chịu ảnh hưởng của những tư tưởng lệch lạc về các giá trị văn hóa, lối sống thực dụng dẫn đến thích hưởng thụ, lười lao động, coi trọng các nhu cầu của cá nhân mà xem nhẹ lợi ích của cộng đồng.

+ *Hai là*, công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội còn những hạn chế, bất cập như: Công tác quản lý xã hội trong nhiều lĩnh vực còn nhiều sơ hở, thiếu sót, nhất là trong quản lý kinh tế, quản lý kinh doanh, quản lý cư trú, quản lý cán bộ; công tác quản lý giáo dục người phạm tội tại cộng đồng dân cư chưa được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức, còn nhiều sơ hở, bất cập...

+ *Ba là*, hệ thống pháp luật, chính sách về kinh tế - xã hội chưa hoàn thiện, đồng bộ, còn nhiều sơ hở, thiếu sót và chậm được hướng dẫn thi hành, các chế tài xử lý chưa đủ sức răn đe và còn nhiều bất cập trong khi phương thức thủ đoạn của bọn tội phạm ngày càng tinh vi, phức tạp.

+ *Bốn là*, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật có lúc, có nơi, có việc chưa kịp thời và hiệu quả. Nhất là công tác phát hiện, xử lý các vi phạm pháp luật và tội phạm tham nhũng, chức vụ chưa được thường xuyên, kịp thời và nghiêm minh, còn tình trạng nể nang, né tránh

nên hiệu lực phòng ngừa thấp. Vai trò của các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa được phát huy cao nhất trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

+ *Năm là*, tình trạng suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; sự non kém về bản lĩnh chính trị và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; ý thức trách nhiệm và tinh thần làm việc của cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước chưa cao, nhiều trường hợp tiêu cực, vi phạm pháp luật, một số trường hợp còn phạm tội, trong đó có một bộ phận cán bộ tư pháp. Chính vì những lý do trên mà trong các báo cáo của các cơ quan CQTP về THTP đều có chung dự báo là: THTP nhìn chung tiếp tục có những diễn biến hết sức phức tạp với những phương thức thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Số lượng tội phạm luôn có xu hướng gia tăng cả về quy mô và tính chất. Là một bộ phận cấu thành của THTP thì tình hình tội phạm XPHĐTP do các cán bộ tư pháp thực hiện trong thời gian tới ở nước ta cũng sẽ có những biến động gia tăng tương ứng với những biến động của THTP nói chung.

3.1.2. Nội dung dự báo

Trên cơ sở phân tích những yếu tố tác động đến THTP nói chung, có thể đưa ra các dự báo về THTP của các tội XPHĐTP, trong thời gian tới như sau:

Một là, THTP của các tội XPHĐTP sẽ biến động gia tăng tương ứng với sự biến động của tình hình tội phạm nói chung.

Hai là, tội “Thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ trốn” sẽ tiếp tục gia tăng trong lĩnh vực giam, giữ, thi hành án phạt tù. Bởi lẽ, trên thực tế, công tác tạm giữ, tạm giam và thi hành án phạt tù hiện đang gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc:

Thứ nhất, các nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam hiện nay đang quá tải trong khi cơ sở vật chất phục vụ cho việc giam, giữ còn thiếu và một số nơi đang ở trong tình trạng xuống cấp;

Thứ hai, do thiếu biên chế cán bộ làm công tác quản lý giam, giữ nên một số nơi giam, giữ phải huy động cả chiến sỹ nghĩa vụ tham gia công tác; đa số cán bộ, chiến sỹ chưa được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn nghiệp vụ quản lý giam, giữ, tinh thần cảnh giác, ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của một số cán bộ, chiến sỹ trong khi làm nhiệm vụ chưa cao, thậm chí có trường hợp còn lơ là, tắc trách và vụ lợi, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, chiến sỹ làm công tác này chưa tương xứng với tính chất công việc được giao;

Thứ ba, công tác kiểm tra, giám sát của VKS đối với công tác này chưa thường xuyên, liên tục; việc áp dụng các chế tài để xử lý đối với loại tội phạm này những năm qua là chưa nghiêm khắc nên không đủ sức răn đe. Đây là những nguyên nhân, điều kiện chủ yếu làm phát sinh tội phạm này. Tiếp theo, các tội phạm XPHĐTP có thể phát sinh trong lĩnh vực thi hành án dân sự như: Tội “Ra quyết định trái pháp luật”; tội “Không thi hành án”... cũng sẽ tăng nhanh và có những diễn biến phức tạp. Bởi vì, hoạt động thi hành án dân sự là một lĩnh vực HĐTP hết sức phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, liên quan tới những tài sản thuộc về các tổ chức xã hội và công dân như tiền, nhà ở, đất đai... Trong khi đó, thể chế pháp luật và văn bản hướng dẫn về thi hành án dân sự hiện nay còn có quá nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, chưa rõ ràng nên có nhiều “kẽ hở” pháp luật bị các cán bộ CQTHA dân sự lợi dụng để làm sai mà không dễ phát hiện. Mặt khác, trong thi hành án dân sự, cả người được thi hành án và người phải thi hành án đều có chung một tâm lý là muốn được lợi ích cao nhất từ việc thi hành án nên thường sử dụng chiêu bài “hối lộ” cho cán bộ thi hành án để hưởng lợi. Trên thực tế, nhiều cán bộ thi hành án dân sự đã bị sa ngã bởi những đề nghị “hấp dẫn” từ phía các

đương sự, cộng với việc thường xuyên phải tiếp xúc với tiền bạc và những tài sản giá trị lớn như trong thi hành án nên dễ làm phát sinh lòng tham dẫn đến việc phạm tội vì trục lợi. Ba là, trong thời gian tới, một số tội phạm gắn với hành vi của những người có thẩm quyền ra các quyết định trong HĐTP như: Tội “Không truy cứu TNHS người có tội”, tội “Ra quyết định pháp luật” cũng có chiều hướng gia tăng. Vì theo quy định của pháp luật hiện hành, các ĐTV, KSV, Thẩm phán, Chấp hành viên là những người trực tiếp thực hiện các hoạt động tố tụng. Tuy nhiên, những người đứng đầu các CQTP như Viện trưởng VKS, Thủ trưởng CQĐT, Chánh án Tòa án, Thủ trưởng CQTHA dân sự lại là những người có vai trò quyết định hoặc có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định xử lý, giải quyết các vụ án. Nhưng hiện tại, các quy định của pháp luật về trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu các CQTP và những người trực tiếp tiến hành tố tụng chưa đầy đủ, rõ ràng nên rất dễ bị lợi dụng để ra những quyết định sai trái mà không sợ phải chịu trách nhiệm. Bên cạnh những tội phạm XPHĐTP có chiều hướng gia tăng thì từ thực tế công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm XPHĐTP của Cơ quan điều tra VKSND tối cao có thể thấy xu hướng giảm trong thời gian tới của tội phạm “Dùng nhục hình”. Bởi lẽ trong 5 năm qua, nhiều tội phạm dùng nhục hình đã bị phát hiện, điều tra và xử lý nghiêm minh; đồng thời tội phạm này khi xảy ra thì 34 thường gây nên sự căm phẫn trước hành vi trái pháp luật, vô đạo đức và thiếu lương tâm của người phạm tội nên luôn bị dư luận xã hội lên án mạnh mẽ. Mặt khác, nguyên nhân dẫn đến tội phạm này của các cán bộ CQTP chủ yếu là do bộc phát, nhất thời, nóng vội, muốn lập thành tích trong quá trình phá án, do coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác nhưng hiện tại các CQTP đang tích cực đẩy mạnh các hoạt động phòng chống vi phạm, tội phạm, đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, văn hóa ứng xử, tinh thần và trách nhiệm trong nghề nghiệp của các cán bộ tư pháp

như: Cuộc vận động “Xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật; công tâm, bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm” của ngành Kiểm sát; phong trào thi đua “Công an nhân dân chấp hành nghiêm điều lệnh; xây dựng nếp sống văn hóa vì nhân dân phục vụ” của ngành Công an v.v. nên những hành vi trái pháp luật và phi đạo đức trong hoạt động tư pháp của cán bộ các CQTP như trong các vụ án “Dùng nhục hình” chắc chắn sẽ bị đẩy lùi. Tóm lại, từ những dự báo trên, có thể thấy, trong thời gian tới, nhóm tội phạm XPHĐTP do cán bộ của các CQTP thực hiện sẽ có những diễn biến phức tạp theo chiều hướng gia tăng. Vì vậy, cần phải có những biện pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động điều tra, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này trong tình hình mới.

Yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp trong điều kiện cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay. Hoạt động tư pháp là hoạt động quyền lực nên đòi hỏi các cán bộ tư pháp, các CQTP phải là sự mẫu mực của việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công cuộc cải cách tư pháp là “Xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh và từng bước hiện đại” để thực hiện mục tiêu: “Xây dựng một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc”. Trên cơ sở chủ trương, định hướng cải cách tư pháp, việc đấu tranh phòng, chống các tội XPHĐTP trong điều kiện cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Thứ nhất, việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các CQTP trong việc phòng, chống các tội XPHĐTP phải dựa trên quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về cải cách tư pháp, với mục tiêu tăng cường sự phối hợp, phân công, kiểm soát quyền lực trong hoạt động tư pháp, bảo đảm các điều

kiện để các CQTP thực hiện tốt chức năng điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Thứ hai, việc hoàn thiện pháp luật, tổ chức và hoạt động của các CQTP đáp ứng phải đáp ứng được tính chất đặc thù đấu tranh phòng, chống tội phạm XPHĐTP nói chung và nhóm tội phạm XPHĐTP mà người phạm tội là cán bộ của các CQTP nói riêng với phương châm phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh các hành vi có dấu hiệu tội phạm, làm rõ nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm để kiến nghị các giải pháp phòng ngừa, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Thứ ba, đề cao ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, nhân viên tư pháp; giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, đề cao tinh thần tự giác của công dân tham gia vào cuộc đấu tranh phòng, chống các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp.

3.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật

Một là, hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự. Các quy định tại chương XXII của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 đã thể chế hóa được một phần đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về đường lối xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật của các cán bộ tư pháp khi thực hiện nhiệm vụ chức năng của mình. Việc sửa đổi lần này đã phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp trong tính hình mới. Tuy nhiên, kể cả sau khi sửa đổi, một số quy định trong Bộ luật này vẫn còn bộc lộ những vấn đề bất cập, khó áp dụng trong thực tiễn, đặc biệt là đối với hành vi XPHĐTP của các chủ thể tiến hành tố tụng. Hai là, hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Cần phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp. Trong đó chú trọng tăng thẩm quyền và trách nhiệm cho Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Chấp hành viên để họ chủ động thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của

mính. Ba là, hoàn thiện đổi mới hệ thống Cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối. Sửa đổi hệ thống Cơ quan điều tra theo hướng Cơ quan điều tra gồm có Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, Cơ quan điều tra trong quân đội nhân dân, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân, nhưng phải phân cấp điều tra cụ thể hơn nữa cho Cơ quan điều tra địa phương để bảo đảm tính đồng bộ trong điều tra, truy tố xét xử nhằm đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án.

Trong đấu tranh phòng chống tội phạm trước hết phải kể đến biện pháp pháp luật. Việc không ngừng hoàn thiện pháp luật, ban hành pháp luật kịp thời và chặt chẽ, tránh được những sơ hở, khiếm khuyết trong áp dụng pháp luật sẽ là biện pháp phòng ngừa tích cực. Để hoàn thiện những quy định của pháp luật hình sự, tạo cơ sở pháp lý cho việc xử lý chính xác, nghiêm minh mọi hành vi phạm tội XPHĐTP của các cán bộ tư pháp, theo chúng tôi cần bổ sung thêm tội quy định về hành vi của cán bộ tư pháp đã cố ý để các bị can thông cung với nhau gây hậu quả nghiêm trọng, đồng thời cần ban hành văn bản hướng dẫn các quy định của Chương XXII BLHS về các tội XPHĐTP, đặc biệt là các dấu hiệu “gây hậu quả nghiêm trọng”; “gây hậu quả rất nghiêm trọng” và “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” trong các tình tiết định khung của các điều luật cụ thể. Về hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự để khắc phục những vướng mắc, bất cập trong các quy định về thẩm quyền điều tra của CQĐT Viện KSND tối cao, đồng thời tăng cường kiểm soát hoạt động thực hiện quyền lực Nhà nước trong hoạt động tư pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng ngừa các tội XPHĐTP do cán bộ của các CQTP thực hiện thì BLTTHS nên quy định cho CQĐT của VKSND tối cao thẩm quyền điều tra tất cả tội phạm XPHĐTP thay vì chỉ quy định thẩm quyền điều tra “một số loại tội phạm XPHĐTP” như hiện nay. Đồng thời mở rộng thẩm quyền điều tra các tội phạm tham nhũng, chức vụ khác mà cán bộ

các CQTP có thể thực hiện khi các hành vi tham nhũng này có liên quan đến hoạt động tư pháp của các CQTP. Thứ hai, cần bổ sung những quy định cụ thể về chức trách, nhiệm vụ của từng cơ quan khi thực hiện mối quan hệ phối hợp trong vấn đề tiếp nhận và giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm nói chung và các tội XPHĐTP do người phạm tội là cán bộ các CQTP thực hiện nói riêng. Thứ ba, phân biệt rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng các cơ quan tư pháp như CQĐT, VKS, Tòa án, cơ quan Thi hành án trong việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động tố tụng và trong tiến hành tố tụng đối với vụ án cụ thể. tăng cường quyền hạn, trách nhiệm của các cán bộ tư pháp có chức danh pháp lý như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán...

3.3. Đẩy mạnh công tác hướng dẫn và áp dụng pháp luật

Để pháp luật được áp dụng, đi vào đời sống xã hội, các cơ quan có thẩm quyền phải hướng dẫn, giải thích pháp luật, tạo điều kiện cho các cơ quan tư pháp trên cả nước áp dụng thống nhất. Do đó, công tác hướng dẫn và áp dụng pháp luật là một hoạt động rất quan trọng đối với thực tiễn. Thực tiễn áp dụng pháp luật không thể tránh khỏi những vướng mắc mà các điều luật cũng như các văn bản dưới luật chưa hướng dẫn hoặc hướng dẫn chưa cụ thể. Thậm chí trong nhiều trường hợp còn có sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản của những bộ ngành khác nhau khi hướng dẫn, điều chỉnh cùng một vấn đề.

3.4. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp

Trong thời gian qua, hệ thống tổ chức các cơ quan tư pháp từ trung ương đến địa phương không ngừng được kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp cũng được phát triển cả về số lượng và chất lượng. Trong thời gian tới, các ngành thuộc hệ thống các cơ quan tư pháp cần thường xuyên đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ

nghiệp vụ cũng như lý luận chinh trị cho đội ngũ cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp.

3.5. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan đến việc giải quyết các vụ án

Sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong quá trình giải thích, hướng dẫn pháp luật cũng như việc giải quyết từng vụ án cụ thể là rất quan trọng để việc áp dụng pháp luật bảo đảm tình cách khách quan, toàn diện, là một trong những yếu tố để hạn chế các vi phạm pháp luật của các chủ thể khi tiến hành tố tụng. Sau khi văn bản pháp luật được cấp có thẩm quyền ban hành, để chúng được thực thi và đi vào đời sống thì các cơ quan tư pháp cần có hướng dẫn thi hành để áp dụng văn bản pháp luật ấy. Để bảo đảm tình thống nhất, đồng bộ trong việc áp dụng pháp luật, tránh tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo giữa các ngành, khi có văn bản pháp luật mới ra đời, các cơ quan tư pháp ở trung ương cần nhanh chóng ban hành thông tư liên tịch hướng dẫn áp dụng.

3.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động tư pháp, các cơ quan tư pháp và cán bộ thuộc cơ quan tư pháp

3.6.1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện quyền giám sát tư pháp của các cơ quan dân cử

Hoạt động giám sát của các cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử đối với hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được quy định rõ trong Điều 32 Bộ luật tố tụng hình sự. Sự giám sát của các cơ quan dân cử trong thời gian qua đã được tăng cường, thông qua hoạt động giám sát, tiếp xúc với cử tri đã phát hiện những vi phạm pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng. Hoạt động này đã có tác động tích cực đến chất lượng hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và hoạt động điều tra xử lý các vụ án hình sự nói riêng. Do vậy cần đổi mới, nâng cao chất lượng chất vấn và trả lời chất vấn của các cơ quan tư pháp tại các kỳ họp Quốc hội,

hội đồng nhân dân. Tăng cường và nâng cao hiệu lực giám sát việc chấp hành pháp luật của các cơ quan tư pháp.

3.6.2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật đối với việc thực hiện các hoạt động tư pháp, các cơ quan tư pháp và cán bộ thuộc cơ quan tư pháp

Bên cạnh việc thực hiện tốt quyền giám sát tư pháp của các cơ quan dân cử, mỗi cơ quan tư pháp cần có sự kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong việc thực hiện các hoạt động tư pháp của chính cơ quan và cán bộ của mình. Viện kiểm sát là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp nhằm đảm bảo các hoạt động này tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ví vậy, tăng cường chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát đối với các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ đảm bảo cho hoạt động tư pháp được nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Hoạt động tư pháp là hoạt động thực hiện quyền lực Nhà nước (quyền tư pháp), do vậy hoạt động tư pháp phải chịu sự kiểm tra giám sát của nhiều cơ chế khác nhau (trong đó có cơ chế kiểm tra từ bên trong mỗi hệ thống CQTP và cơ chế giám sát từ bên ngoài hệ thống CQTP). Cơ chế kiểm tra từ bên trong của mỗi hệ thống CQTP là cơ chế kiểm tra, giám sát do chủ thể thực thi quyền tư pháp đặt ra để kiểm tra, giám sát các bộ phận thuộc hệ thống của mình trong quá trình thực thi thẩm quyền tư pháp. Đó là các hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm tra của bộ phận thanh tra, kiểm tra công vụ; hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan tiến hành tố tụng cấp trung ương đối với cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương, của cấp trên đối với cấp dưới nhằm đảm bảo cho hệ thống đó hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ mà pháp luật đã quy định. Cơ chế giám sát từ bên ngoài bao gồm hoạt động giám sát của

các cơ quan nhà nước (hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Viện kiểm sát) đối với các cơ quan thực thi quyền tư pháp, còn gọi là giám sát nhà nước và giám sát do các tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội thực hiện, gọi là giám sát xã hội. Tuy nhiên trong khuôn khổ của đề tài, chúng tôi chỉ tập trung đề xuất các biện pháp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Viện kiểm sát. Bởi vì, VKSND là cơ quan duy nhất được Nhà nước giao cho chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp. Hoạt động kiểm sát của VKSND đối với các hoạt động tư pháp thực chất là việc sử dụng các quyền năng pháp lý mà Nhà nước giao cho để hạn chế sự lạm quyền của chính các cơ quan Nhà nước (các CQTP). Mục đích của kiểm sát các hoạt động tư pháp là nhằm đảm bảo cho pháp luật được áp dụng nghiêm chỉnh và thống nhất trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Trong quá trình kiểm sát các hoạt động tố tụng của các CQTP, Viện kiểm sát có quyền áp dụng những biện pháp luật định để phát hiện, loại trừ những hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm của bất kỳ CQTP nào, bất kỳ cán bộ tư pháp nào. Do đó, kiểm sát các hoạt động tư pháp là hoạt động phòng ngừa có hiệu quả nhất đối với các tội XPHĐTP. Viện kiểm sát có vai trò rất quan trọng trong đấu tranh, phòng ngừa tội phạm XPHĐTP và cũng là cơ quan có điều kiện thuận lợi nhất để phát hiện, đấu tranh với những hành vi XPHĐTP của các cán bộ tư pháp. Để hoạt động kiểm sát các hoạt động tư pháp có hiệu quả cao, cần phải tiến hành một số biện pháp sau: Một là, tăng cường sự chỉ đạo, lãnh đạo của VKSND các cấp đối với các công tác kiểm sát thực hiện chức năng. Hai là, VKSND các cấp phải phát huy vai trò, trách nhiệm của mình thông qua các khâu công tác kiểm sát, kịp thời phát hiện những dấu hiệu sai phạm của những người tiến hành tố tụng, những người có chức vụ quyền hạn trong hoạt động tư pháp trong quá trình tiến hành tố tụng nhằm bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ chống oan, sai, chống lọt, bảo vệ các lợi ích của Nhà nước, của tập

thể, quyền và lợi ích chính đáng của công dân. Ba là, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng, ý thức trách nhiệm cho các cán bộ, Kiểm sát viên để đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên của ngành Kiểm sát thực sự là những người gương mẫu trong việc chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật, xứng đáng là chỗ dựa tin cậy của đảng, Nhà nước và nhân dân trong đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và các tội XPHĐTP nói riêng. Bốn là, tăng cường sự phối hợp giữa VKSND các cấp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND. Năm là, tăng cường trang thiết bị, phương tiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ của VKSND các cấp, có chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp để động viên đội ngũ cán bộ ngành Kiểm sát hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3.7. Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan tư pháp, các chế độ chính sách đãi ngộ đối với cán bộ các cơ quan tư pháp.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến phát sinh tội phạm trong lĩnh vực hoạt động tư pháp là đội ngũ cán bộ tư pháp ở nước ta hiện nay còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ và năng lực nghiệp vụ và còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, đặc biệt là ở những vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó, một bộ phận cán bộ tư pháp còn có biểu hiện tiêu cực, thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu bản lĩnh nghề nghiệp và sa sút về phẩm chất đạo đức. Để nâng cao chất lượng đội ngũ này, trước tiên phải đổi mới quy trình tuyển chọn các chức danh tư pháp. Trong đó cần đặc biệt chú ý đến tư cách đạo đức, bản lĩnh chính trị và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mỗi người, để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong thời điểm hiện nay. Bên cạnh việc tuyển chọn cán bộ kỹ càng thì cần phải thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn pháp lý, bản lĩnh chính trị,

bản lĩnh nghề nghiệp cho cán bộ tư pháp nhất là đối với những người có chức danh pháp lý. Đồng thời cần tăng cường cơ sở vật chất và phương tiện làm việc cho CQĐT, VKS, Tòa án và Cơ quan Thi hành án cũng như có chính sách tiền lương, phụ cấp và các khoản đãi ngộ đặc thù đảm bảo cho cán bộ tư pháp có điều kiện ổn định cuộc sống, yên tâm công tác, không bị dao động, sa ngã trước mọi tác động cám dỗ, mua chuộc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao

3.8. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan tư pháp, các chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ các cơ quan tư pháp

Cơ sở vật chất và phương tiện làm việc của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và Cơ quan thi hành án hiện nay còn thiếu và lạc hậu ảnh hưởng đến chất lượng của các hoạt động tư pháp. Ví vậy, tăng cường cơ sở vật chất và phương tiện làm việc cho các cán bộ và cơ quan tư pháp sẽ góp phần nâng cao chất lượng công tác giải quyết các vụ án và công tác thi hành án trên thực tế. Một vấn đề cũng cần phải quan tâm là hoạt động tư pháp là hoạt động đặc thù nên cán bộ tư pháp cần chế độ lương, phụ cấp và các khoản đãi ngộ đặc thù đảm bảo điều kiện ổn định cuộc sống, yên tâm công tác, không bị dao động, sa ngã trước mọi tác động cám dỗ, mua chuộc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao

Theo quy định của pháp luật, Cơ quan điều tra của VKSND tối cao là CQĐT chuyên trách có thẩm quyền điều tra các tội XPHĐTP mà người phạm tội là cán bộ thuộc các CQTP. Vì vậy chất lượng hoạt động của CQĐT này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả đấu tranh phòng, chống nhóm tội phạm này. Thời gian qua, CQĐT của VKSND tối cao đã có nhiều nỗ lực, cố gắng để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau mà việc phát hiện, điều tra, xử lý các tội XPHĐTP do cán bộ thuộc các CQTP

thực hiện còn có những hạn chế nhất định, hiệu quả công tác điều tra chưa cao. Để khắc phục tình trạng này, thì cần phải có những giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của CQĐT này để đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp như sau: Một là, đổi mới tổ chức bộ máy của CQĐT của VKSND tối cao theo hướng tổ chức thêm các đơn vị nghiệp vụ đóng trên một số vùng, miền. Hiện tại, ngoài trụ sở chính đóng tại Hà Nội, CQĐT Viện KSND tối cao còn có 02 cơ quan đại diện thường trực tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên (đóng ở Đà Nẵng) và miền Nam (tại Thành phố Hồ Chí Minh). Nhưng trên thực tế với phạm vi hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam thì CQĐT này cần phải có thêm các đơn vị 39 hoạt động ở vùng Tây Bắc, Đông Bắc và Tây Nam bộ thì mới đảm bảo kịp thời nắm bắt và xử lý thông tin vi phạm, tội phạm xảy ra trong quá trình tiến hành tố tụng của các CQTP trên cả nước. Cùng với việc kiện toàn tổ chức bộ máy, cần bổ sung đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra cho CQĐT Viện KSND tối cao. Hiện tại, CQĐT chỉ có tổng số 82 biên chế, trong đó Điều tra viên các cấp là 55 người nhưng phải theo dõi thông tin vi phạm của các CQTP trung ương, các CQTP ở 63 tỉnh, thành phố và các CQTP của 698 huyện, thị xã trên toàn quốc nên không thể kịp thời nắm bắt và xử lý những tin báo, tố giác tội phạm thuộc thẩm quyền. Trên thực tế hoạt động của CQĐT Viện KSND tối cao đã bị hạn chế rất nhiều khi không nắm được đầy đủ thông tin về tình hình tội phạm XPHĐTP xảy ra trong cả nước. Hai là, nâng cao chất lượng hoạt động của CQĐT Viện KSND tối cao bằng việc thực hiện đồng bộ các biện pháp sau đây: - Nâng cao chất lượng hoạt động tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về các tội phạm XPHĐTP. - Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động điều tra các vụ án XPHĐTP thuộc thẩm quyền. - Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa CQĐT của VKSND tối cao với các cơ quan, đơn vị hữu quan trong quá trình điều tra các vụ án XPHĐTP mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp. Cuối cùng, ngoài

việc nâng cao đời sống vật chất cho cán bộ trong ngành nói chung thì đối với CQĐT ngành Kiểm sát cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với tính đặc thù trong công tác của CQĐT này.

3.9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp

Hiến pháp nước năm 2013 đã xác định Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Ví vậy, hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung cũng như hoạt động của từng cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp nói riêng đều được đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của các cán bộ thuộc cơ quan tư pháp được thể hiện ở chỗ: tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc giáo dục, quản lý, kiểm tra hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên, chăm lo công tác quy hoạch, tuyển chọn, bố trí sử dụng đúng năng lực của đảng viên cũng như việc chỉ đạo giải quyết những vụ việc quan trọng, phức tạp.

Kết luận chương 3

Trong chương 3, trên cơ sở đánh giá khái quát tình hình tội phạm XPHĐTP, thực tiễn các đặc điểm nhân thân người phạm tội XPHĐTP, những đặc điểm nhân thân đặc trưng của người phạm tội XPHĐTP và những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước giai đoạn 2013-2017, tác giả dự báo biến động của các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPHĐTP, dự báo biến động của các đặc điểm nhân thân người phạm tội XPHĐTP. Từ những lý luận về dự báo, tác giả đề xuất một số giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước từ khía cạnh nhân thân như: hạn chế, loại trừ những tác động tiêu cực từ môi trường gia đình; hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường giáo dục; hạn chế những tác động tiêu cực từ môi trường bạn bè, môi trường kinh tế, xã hội, văn hóa; các giải pháp nâng cao hiệu quả

công tác phát hiện, xử lý tội phạm XPHĐTP và việc tổ chức phòng ngừa tình hình loại tội này trong thời gian tới trên địa bàn cả nước.

KẾT LUẬN

Mặc dù thời gian qua các Cơ quan tiến hành tố tụng đã chú trọng sử dụng các đặc điểm nhân thân người phạm tội trong công tác phòng chống tội phạm nói chung, tội XPHĐTP nói riêng. Tuy nhiên, việc nghiên cứu chỉ dừng lại ở mức độ sử dụng các đặc điểm nhân thân người phạm tội phục vụ cho hoạt động điều tra, phá án chứ chưa chú ý đúng mức đến hoạt động phòng ngừa. Mặt khác, sự tác động mạnh mẽ của mặt trái nền kinh tế thị trường, những hạn chế trong công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, sự quản lý lỏng lẻo trong giáo dục thanh, thiếu niên nên công tác phòng ngừa tội XPHĐTP còn nhiều hạn chế, thiếu sót chưa đạt được mục tiêu đề ra, tình hình tội XPHĐTP còn diễn biến phức tạp, số lượng tội phạm đáng kể so với các loại tội phạm khác. Luận văn là một công trình đi sâu nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học về nhân thân người phạm tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước, giai đoạn 2013 – 2017 để làm rõ các đặc điểm nhân thân và các yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội XPHĐTP phù hợp với đặc điểm về địa lý, dân cư, điều kiện kinh tế, xã hội, qua đó đưa ra một số giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội XPHĐTP trên địa bàn cả nước trong thời gian tới, như: Nhóm giải pháp hạn chế những tác động tiêu cực từ môi trường gia đình; Nhóm giải pháp hạn chế những tác động tiêu cực từ môi trường giáo dục; Nhóm giải pháp hạn chế những tác động tiêu cực từ nền kinh tế thị trường; Nhóm giải pháp hạn chế những tác động tiêu cực từ môi trường văn hóa, xã hội; giải pháp tăng cường tuyên truyền, giáo dục để khắc phục các thói quen, sở thích xấu của người phạm tội. Mặc dù đã cố gắng tìm tòi, học hỏi tuy nhiên đây cũng chỉ là bước khởi đầu nghiên cứu của bản thân, không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế, vì vậy tác giả rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô, các đồng nghiệp, các nhà khoa học,...để tác giả hoàn thiện công trình nghiên cứu của mình./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1999), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Phạm Thanh Bình, Nguyễn Văn Nguyên (1997), *Các tội Xâm phạm hoạt động tư pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Lê Cẩm (2001), *Nhân thân người phạm tội - Một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án, (số 10), tr. 7-11, (số 11), tr. 5-8.
5. Lê Cẩm (2002), "*Cải cách hệ thống Tòa án trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam*", Nghiên cứu lập pháp, (số 4), tr.11-15.
6. Lê Văn Cẩm (Chủ biên) (2007), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Cảnh và Phạm Văn Tĩnh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
8. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/CP ngày 31/7/1998 về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.
9. Chính phủ (2011), *Nghị định số 80/2011/NĐ-CP Quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù*, Hà Nội.
10. Chính phủ (2012), *Nghị quyết số: 37/2012/QH13 Về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của TAND và công tác thi hành án năm 2013*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2015), *Nghị định 11/2015/NĐ-CP Quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường*, Hà Nội.

12. Chính phủ (2016), *Quyết định số 21/2016/QĐ-TTg ngày 17/5/2016 ban hành quy chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình*, Hà Nội.

13. Chính phủ (2016), *Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.

14. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2013 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao*, Hà Nội.

15. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), *Tài liệu tập huấn "thực hiện Quyết định 144/QĐ-ĐT/2003 ngày 7/11/2003 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao - thực trạng, nguyên nhân và các hướng dẫn"*, Hà Nội.

16. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2014), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2014 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao*, Hà Nội.

17. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2015 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao*, Hà Nội.

18. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao*, Hà Nội.

19. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao*, Hà Nội.

20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Kết luận số 05-KL/TW ngày 15/7/2016 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ*

Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, Hà Nội.

21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

22. Nguyễn Ngọc Điệp, Hồ Thị Nệ (2001), *Tìm hiểu các tội hoạt động tư pháp trong Bộ luật hình sự 1999*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

23. Trần Văn Độ (2003), "*Một số vấn đề về hoạt động tư pháp và kiểm sát hoạt động tư pháp ở nước ta hiện nay*", Kỷ yếu đề tài cấp bộ: Những giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, Hà Nội.

24. Phạm Hồng Hải (2004), *Mô hình lý luận Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

25. Nguyễn Huy Hoàn (2005), *Đảm bảo quyền con người trong hoạt động tư pháp ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

26. Trần Minh Hưởng, Đặng Thu Hiền (2002), *Tìm hiểu các tội phạm hoạt động tư pháp*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.

27. Phạm Quốc Huy (2008), *Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Chính trị - hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

28. Jean-Jacques Rousseau (2004), *Bàn về khế ước xã hội*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

29. Nguyễn Duy Lâm (Chủ biên) (1996), *Sổ tay Thuật ngữ pháp lý thông dụng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

30. Bùi Đức Long (1998), *Thực trạng các tội XPHĐTP và trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân các cấp trong cuộc đấu tranh chống các tội phạm này*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Trường Cao đẳng kiểm sát, Hà Nội.

31. Học viện cảnh sát nhân dân (2013), *Một số vấn đề tội phạm học ở Việt Nam*, Hà Nội.

32. Nxb Chính trị quốc gia (2010), *Giáo trình Triết học Mác – Lê Nin*, Hà Nội.

33. Phạm Văn Phương (2015), *Nhân thân người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn tỉnh Bình Định*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội.

34. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.

35. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.

36. Quốc hội (2001), *Hiến pháp (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.

37. Quốc hội (2001), *Luật Tổ chức Chính phủ*, Hà Nội.

38. Quốc hội (2002), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội.

39. Quốc hội (2002), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.

40. Quốc hội (2003), *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*, Hà Nội.

41. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.

42. Quốc hội (2008), *Luật thi hành án dân sự*, Hà Nội.

43. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.

44. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.

45. Quốc hội (2009), *Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

46. Quốc hội (2009), *BLHS nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 sửa đổi bổ sung*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

47. Quốc hội (2012), *Nghị quyết số 37/2012/QH13 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của TAND và công tác thi hành án năm 2013*, Hà Nội.

48. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

49. Quốc hội (2013), *Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013 về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm*, Hà Nội.

50. Quốc hội (2015), *Nghị quyết số 111/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của TAND và công tác thi hành án năm 2016 và các năm tiếp theo*, Hà Nội.

51. Chu Thị Quỳnh (2015), *Vai trò nhân thân người phạm tội - dấu hiệu quy định trách nhiệm hình sự*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật – Đại học quốc gia Hà Nội.

52. Lê Hữu Thê (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

53. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 24/02/2011, Ban hành kế hoạch thực hiện 48/CT-TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.

54. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 Phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.

55. Phạm Uyên Thy (2015), *Nhân thân người phạm tội trên địa bàn quận 7, thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.

56. Phạm Văn Tĩnh (2006), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư Pháp Hà Nội, Hà Nội.

57. Phạm Văn Tĩnh (chủ biên), Đào Bá Sơn (2010), *Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay – Một mô hình nghiên cứu tội phạm học chuyên ngành*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

58. Phạm Văn Tĩnh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

59. Trần Hữu Tráng (2010), *Bàn về nguyên nhân của tội phạm*, Tạp chí Luật học, (số 11), tr 43-51.

60. Trần Hữu Tráng (2012), *Bàn về dự báo tội phạm*, Tạp chí TAND, (số 17), tr. 35-45.

61. Đào Trí Úc (chủ biên) (1994), *Tội phạm học, Luật Hình sự và Luật Tố tụng Hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

62. Văn phòng Trung ương Đảng (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Hà Nội.

63. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015) - *Tình hình tội phạm năm 2015*, Hà Nội.

64. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Báo cáo tổng kết ngành năm 2008*, Hà Nội.

65. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), *Báo cáo tổng kết ngành năm 2009*, Hà Nội.

66. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017), *Báo cáo tổng kết ngành năm 2010*, Hà Nội.

67. Viện Sử học Việt Nam (2003), *Quốc triều hình luật*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

68. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự tại Việt Nam*, Hà Nội.

69. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam – một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

70. Võ Khánh Vinh (2002), *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận – thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

71. Võ Khánh Vinh (2003), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

72. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình Tội phạm học*, Trường ĐH Huế;

73. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

74. Nguyễn Tất Viễn (1996), *Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Luật học.

75. Nguyễn Tất Viễn (2003), "*Hoạt động tư pháp và kiểm sát hoạt động tư pháp*", Kỷ yếu đề tài cấp bộ: Những giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, Hà Nội.

76. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

77. Nguyễn Xuân Yêm (2003), *Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.